TIÊU CHUẨN ISO
13485



THIẾT BỊ Y TẾ NHÓM B

CATALOG SẢN PHẨM

HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Giải pháp toàn diện cho điều chế chế phẩm sinh học tự thân
Huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) và Fibrin giàu tiểu cầu (PRF)

Website:
biomedmart.com.vn
biomedshop.com

Email: contact@sci.edu.vn
sales@sci.edu.vn
kinhdoanh@sci.edu.vn

HOTLINE:
028 3636 1206

Viện Tế bào gốc, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM



Mục lục

01 — 03

01 — GIỚI THIỆU CHUNG & NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ

Thư ngỏ 19

1.1. Tầm nhìn thương hiệu

1.2. Pháp lý sản phẩm

1.3. Tổng quan khoa học

1.4. Công nghệ Gel phân tách

02

02 — GIẢI PHÁP & SẢN PHẨM HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU (PRP)

2.1. Tổng quan về công nghệ PRP

2.2. Dòng sản phẩm “Ống thu nhận huyết tương giàu tiểu cầu”

2.3. Dòng sản phẩm “Bộ thu nhận huyết tương giàu tiểu cầu”

03 — 25

03 — GIẢI PHÁP & SẢN PHẨM FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU (PRF)

3.1. Sự tiến hóa của công nghệ PRF

3.2. Dòng sản phẩm PRF chuyên biệt

3.3. Dòng sản phẩm Ống thu nhận fibrin giàu tiểu cầu

3.4. Dòng sản phẩm Bộ tách chiết PRF

04 — 31

04 — DỮ LIỆU CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN SINH HỌC & BẰNG CHỨNG KHOA HỌC

4.1. Kiểm soát vô trùng & an toàn sinh học

4.2. Các chỉ số chất lượng của PRP

4.3. Bằng chứng phân tích

4.4. Bằng chứng lâm sàng

4.5. Tiêu chí kiểm soát và truy xuất chất lượng

05 — 35

05 — QUY TRÌNH, SẢN PHẨM & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

5.1. Quy trình thao tác

5.2. Danh mục & Mã sản phẩm

5.3. Đào tạo & Chuyển giao công nghệ

5.4. Thông tin liên hệ, Đặt hàng & Chính sách hỗ trợ

06 — 41

THÔNG SỐ KĨ THUẬT TỪNG SẢN PHẨM



01

GIỚI THIỆU CHUNG & NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ

THƯ NGỎ

Kính gửi Quý Bác sĩ, Quý Chuyên gia Y tế và Quý Đối tác,

Y học tái tạo đang từng bước chuyển dịch hướng tới các giải pháp sinh học tự thân, khai thác tiềm năng của chính các thành phần sinh học trong cơ thể nhằm hỗ trợ quá trình phục hồi và tái tạo mô. Trong xu hướng đó, Huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) và Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) ngày càng được quan tâm và ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như Da liễu – Thẩm mỹ, Chấn thương chỉnh hình – Cơ xương khớp, Nha khoa và Ngoại khoa.

Tuy nhiên, chất lượng và tính nhất quán của chế phẩm tự thân phụ thuộc đáng kể vào quy trình thu nhận, phân tách và kiểm soát chất lượng. Sự khác biệt về công nghệ, vật tư, điều kiện xử lý và thao tác có thể dẫn đến những khác biệt về đặc tính của chế phẩm cuối cùng.

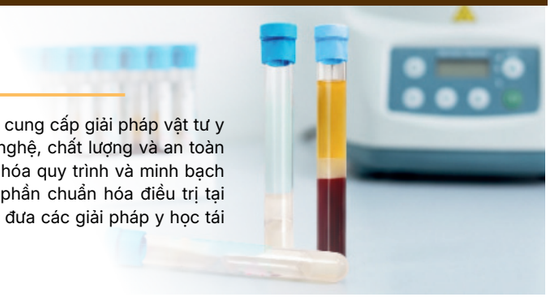
Với định hướng chuẩn hóa công nghệ – kiểm soát chất lượng – hỗ trợ thực hành lâm sàng, chúng tôi phát triển hệ thống giải pháp PRP và PRF từ ống thu nhận, vật tư y tế chuyên dụng đến các bộ dụng cụ hoàn chỉnh, hướng tới kiểm soát chặt chẽ từng bước trong quy trình và nâng cao tính nhất quán của chế phẩm tự thân.

Không chỉ cung cấp sản phẩm, chúng tôi hướng đến việc xây dựng một nền tảng giải pháp PRP–PRF toàn diện, kết hợp giữa cơ sở khoa học, công nghệ phân tách, kiểm soát chất lượng, đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý Bác sĩ, Quý Chuyên gia Y tế và Quý Đối tác. Với tinh thần hợp tác và đổi mới liên tục, chúng tôi cam kết không ngừng hoàn thiện các giải pháp

pháp y sinh nhằm hỗ trợ chuẩn hóa quy trình và nâng cao chất lượng thực hành lâm sàng.

1.1 TẦM NHÌN THƯƠNG HIỆU



TẦM NHÌN THƯƠNG HIỆU

Chúng tôi hướng tới trở thành thương hiệu uy tín trong nghiên cứu và cung cấp giải pháp vật tư y tế chuyên dụng cho điều chế chế phẩm sinh học tự thân, nơi công nghệ, chất lượng và an toàn được đặt làm nền tảng. Bằng việc liên tục cải tiến sản phẩm, chuẩn hóa quy trình và minh bạch hóa các tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng, chúng tôi hướng tới góp phần chuẩn hóa điều trị tại chỗ, nâng cao tính nhất quán của chế phẩm và hỗ trợ nhân viên y tế đưa các giải pháp y học tái tạo vào thực hành lâm sàng một cách an toàn, khoa học và hiệu quả.

SỨ MỆNH

LẤY CHẤT LƯỢNG LÀM NỀN TẢNG

Mang công nghệ chuẩn hóa đến các giải pháp PRP/PRF, kết nối khoa học, chất lượng và an toàn để hỗ trợ thực hành y học tái tạo.

AN TOÀN

Kiểm soát vô trùng, nội độc tố và các yêu cầu an toàn sinh học phù hợp với mục đích sử dụng của sản phẩm.

ĐỒNG HÀNH CÙNG BÁC SĨ

Cung cấp hướng dẫn sử dụng, quy trình thao tác chuẩn, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật, giúp cơ sở y tế triển khai quy trình nhất quán.

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

1 CHUẨN HÓA

Thiết kế hệ thống thu nhận và phân tách nhằm giảm biến thiên do thao tác, hỗ trợ tạo chế phẩm có đặc tính ổn định hơn giữa các lần thực hiện.



GEL POLYMER PHÂN TÁCH

Với công nghệ tỉ trọng khác nhau, mà các loại chế phẩm PRP/PRF như Pure/LP-PRP, LR-PRP, Pure/LP-PRF, LR-PRF được chế tạo để phù hợp cho từng ứng dụng y khoa.

KIỂM SOÁT

Kiểm soát các đặc tính quan trọng của chế phẩm như tiểu cầu, bạch cầu, hồng cầu, thể tích và độ pH, theo từng dòng sản phẩm và quy trình.

2 MINH BẠCH

Công khai thông tin kỹ thuật, tiêu chí chất lượng và dữ liệu xác nhận của sản phẩm; rõ ràng nguồn gốc và truy xuất theo từng lô.

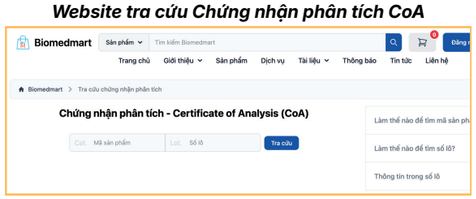
Thiết bị y tế nhóm B

Giấy phép lưu hành theo quy định Bộ y tế

3 CÓ CƠ SỞ BẰNG CHỨNG

Các thông số kỹ thuật và tuyên bố về sản phẩm được xây dựng trên dữ liệu kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng và bằng chứng khoa học phù hợp.

Website tra cứu Chứng nhận phân tích CoA



VÔ TRÙNG TUYỆT ĐỐI — Gamma / E - beam

PYROGEN - FREE ENDOTOXIN < 0,5-1 EU/mL — Kiểm soát nghiêm ngặt

KHÔNG SỬ DỤNG EDTA/HEPARIN — An toàn tế bào

CHẤT LƯỢNG ĐỒNG NHẤT — Ổn định & tin cậy

MINH BẠCH TRUY XUẤT — Rõ ràng nguồn gốc

1.2 PHÁP LÝ SẢN PHẨM

HỆ THỐNG QUẢN LÝ *CHẤT LƯỢNG SẢN XUẤT (ISO 13485)*

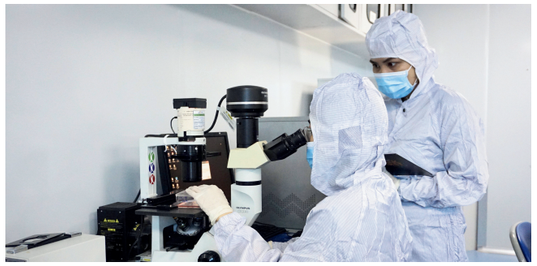
Các sản phẩm ống và bộ dụng cụ thu nhận PRP và PRF được sản xuất và kiểm soát theo hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu áp dụng đối với thiết bị y tế.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ *ISO 13485*

Sản phẩm được sản xuất và kiểm soát theo hệ thống quản lý chất lượng thiết bị y tế ISO 13485, với kiểm soát từ nguyên liệu, sản xuất, kiểm tra chất lượng đến đóng gói và phân phối.

KIỂM SOÁT PHÒNG SẠCH ISO CLASS 7

Các công đoạn sản xuất được thực hiện trong môi trường phòng sạch ISO Class 7, với kiểm soát chặt chẽ hạt bụi, vi sinh và điều kiện môi trường, phù hợp với yêu cầu kiểm soát nhiễm của sản phẩm.

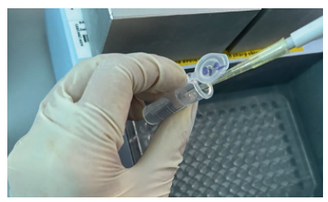


CÔNG NGHỆ TIỆT TRÙNG *CHIẾU XẠ GAMMA*

Sản phẩm được tiệt trùng bằng công nghệ chiếu xạ Gamma, với liều tiệt trùng được xác lập và kiểm soát phù hợp với đặc tính sản phẩm và vật liệu.

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM *PTN ISO 17025*

Chất lượng sản phẩm được kiểm nghiệm tại phòng thử nghiệm đạt ISO/IEC 17025 trước khi xuất xưởng, theo các chỉ tiêu và tiêu chí chất lượng áp dụng cho từng sản phẩm.





LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐÁNH GIÁ HOẠT TÍNH SINH HỌC
VIỆN TẾ BÀO GỐC
Địa chỉ: Toà nhà B2-3, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Khu phố 6, Phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn
ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực công nhận: Thử nghiệm Sinh học
Mã số: VLAT-1.0237

GIÁM ĐỐC
PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM

Số: AOSC-1.0237.1
Ngày cấp: 10/3/2022
Giá trị đến: 09/3/2027

1.2 PHÁP LÝ SẢN PHẨM

PHÂN LOẠI &
HỒ SƠ LƯU HÀNH THIẾT BỊ Y TẾ

Sản phẩm được phân loại và quản lý theo quy định pháp luật về thiết bị y tế, với hồ sơ pháp lý và mục đích sử dụng được xác định rõ theo từng sản phẩm.

Mục đích sử dụng rõ ràng - Hồ sơ pháp lý đầy đủ - Truy xuất nguồn gốc



1 PHÂN LOẠI *THIẾT BỊ Y TẾ*

Sản phẩm thuộc thiết bị y tế loại B
Được thiết kế và sản xuất cho mục đích sử dụng y tế

CĂN CỨ PHÂN LOẠI

- Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hiện hành.
- Thông tư 05/2022/TT-BYT về phân loại thiết bị y tế.
- Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế: Về quản lý thiết bị y tế

Phân loại, công bố/lưu hành và thông tin mục đích sử dụng được quản lý theo hồ sơ pháp lý của từng sản phẩm

2 GIẤY PHÉP LƯU HÀNH& *CHỨNG NHẬN*

Sản phẩm được Sở Y tế cấp **Số công bố / Số đăng ký** lưu hành Thiết bị Y tế tại Việt Nam.

Đủ điều kiện lưu hành trên toàn quốc



Hồ sơ kỹ thuật đầy đủ - Minh bạch - Truy xuất được, đảm bảo chất lượng đồng nhất và an toàn cho người sử dụng.

3 HỒ SƠ *KĨ THUẬT*

Cung cấp đầy đủ kết quả kiểm nghiệm cho từng lô sản xuất theo tiêu chuẩn cơ sở.

- Độ vô trùng
- Nội độc tố thấp (Endotoxin)
- Không chất gây sốt (Pyrogen)
- pH sinh lý

- **RBCs** *Loại bỏ >99% hồng cầu*
- **Hiệu suất thu hồi tiểu cầu** *≥70%-90%*
- **Tỷ trọng Gel** *(1.050 - 1.055 g/cm³)*
- **Kiểm tra ngoại quan & thể tích**

CENTER FOR TESTING AND CERTIFICATION - TQC CGLOBAL

GIẤY CHỨNG NHẬN

TQC
BỀN VỮNG CÙNG PHÁT TRIỂN

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng cho lĩnh vực thiết bị y tế của

VIỆN TẾ BÀO GỐC

Địa chỉ: Tòa nhà B2-3, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Khu phố 6, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm sản xuất: TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ SẢN XUẤT THỰC NGHIỆM: Tòa nhà B2-3, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Khu phố 6, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế:

ISO 13485:2016

Cho lĩnh vực:

Sản xuất và kinh doanh: kit phân lập tế bào, kit thu nhận chế phẩm từ máu, môi trường nuôi cấy tăng sinh tế bào, môi trường bảo quản tế bào, môi trường biến đổi tế bào.

Số Giấy chứng nhận	:	TQC.08.4559	**Ngày bắt đầu chu kỳ**	:	17/03/2026
Loại hình cấp	:	Chứng nhận lại	**Phiên bản**	:	01
Ngày hiệu lực	:	17/03/2026	**Ngày kết thúc**	:	16/03/2029

Từ ngày 17/03/2027, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Quét mã truy xuất chứng chỉ

TQC.08.4559

Dấu chứng nhận

ISO 13485 Ver.2016 MEDICAL DEVICES
TQC CERTIFICATE No. TQC.4559

GIÁM ĐỐC

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Lã Mạnh Cường

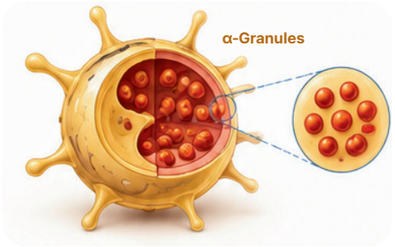
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - **TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL**
Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm - Văn phòng cấp chứng chỉ: Biệt thự C11, Khu Pandora, số 53 phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: http://tqc.vn

1.3. TỔNG QUAN KHOA HỌC: NGUYÊN LÝ PRP & PRF

TRONG LÀNH THƯƠNG TỰ THÂN

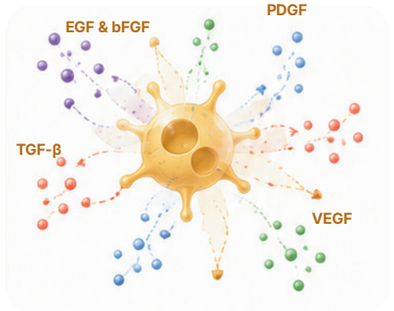
NGUYÊN LÝ SINH HỌC CỦA *HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU (PRP)*

Huyết tương giàu tiểu cầu (Platelet-Rich Plasma – PRP) là chế phẩm huyết tương tự thân được làm giàu tiểu cầu so với máu ngoại vi ban đầu. Tiểu cầu không chỉ tham gia vào quá trình cầm máu mà còn chứa nhiều protein và chất trung gian sinh học có vai trò trong điều hòa viêm, tương tác tế bào và sửa chữa mô.



Hạt Alpha (α-Granules)

Tiểu cầu chứa từ 50 đến 80 hạt alpha — kho dự trữ sinh học chứa hơn 300 protein hoạt tính và các yếu tố tăng trưởng (Growth Factors - GFs). Khi tiểu cầu được hoạt hóa (bởi chất hoạt hóa ngoại sinh như hoặc tiếp xúc với Collagen tự nhiên tại mô), màng hạt alpha dung hợp với màng tiểu cầu để giải phóng ồ ạt các GFs ra môi trường ngoại bào (>95% trong 1 giờ đầu).



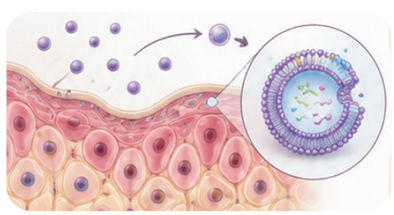
Các yếu tố tăng trưởng cốt lõi

PDGF (Platelet-Derived Growth Factor): Kích thích phân bào và hóa ứng động nguyên bào sợi (fibroblasts), tế bào gốc trung mô (MSCs) và tế bào tạo xương (osteoblasts).

VEGF (Vascular Endothelial Growth Factor): Kích thích tế bào nội mô, thúc đẩy quá trình tân tạo vi mạch máu (angiogenesis) mang oxy và dưỡng chất nuôi mô.

TGF-β (Transforming Growth Factor-Beta): Kích thích nguyên bào sợi tăng tổng hợp Collagen type I và chất nền ngoại bào (ECM).

EGF & bFGF: Thúc đẩy tăng sinh tế bào biểu mô và tái tạo màng niêm mạc/da.



Cơ chế giao tiếp cấp độ Nano

Bên cạnh việc giải phóng GFs, PRP còn giải phóng các túi ngoại bào (Exosomes) và chuyển giao ty thể tự do, giúp bảo vệ các tế bào đích khỏi stress oxy hóa và phục hồi chức năng hô hấp tế bào tại vùng tổn thương.

AN TOÀN SINH HỌC
Không sử dụng EDTA hoặc Heparin
Vật liệu được đánh giá an toàn sinh học

HIỆU SUẤT CAO
Hệ số cô đặc 3 - 5 lần
Loại bỏ >99% hồng cầu

CHUẨN HÓA
Quy trình khép kín
Chất lượng ổn định

QUY TRÌNH TẠO PRP

1. Lấy máu



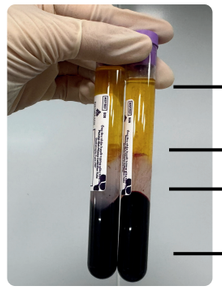
Lấy máu ngoại vi của bệnh nhân

2. Ly tâm



Ly tâm theo thông số chuẩn hóa

3. Tách lớp



Gel phân tách tỉ trọng giúp tách PRP tinh sạch.

4. Thu PRP



Thu PRP giàu tiểu cầu

5. Ứng dụng



Tiêm/bôi tại chỗ, kích thích tại tạo mô

Quét mã để đọc thêm thông tin



1.3. TỔNG QUAN KHOA HỌC: NGUYÊN LÝ PRP & PRF

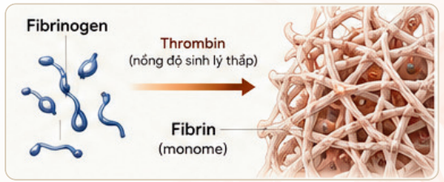
TRONG LÀNH THƯƠNG TỰ THÂN

NGUYÊN LÝ SINH HỌC CỦA *FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU (PRF)*

PRF là một chế phẩm sinh học tự thân, được xem là thế hệ tiếp theo của các công nghệ PRP. PRF được hình thành thông qua quá trình ly tâm máu toàn phần, trong đó mạng lưới fibrin được hình thành tự nhiên trong quá trình đông máu, không sử dụng chất chống đông hóa học hoặc chất hoạt hóa ngoại sinh.

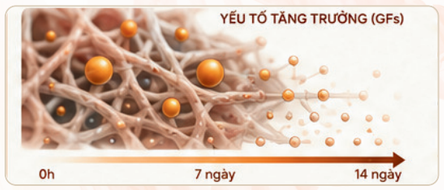
Cơ chế chính của PRF

1 Polymer hóa Fibrin tự nhiên



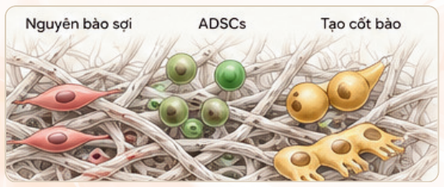
Khi máu rời khỏi cơ thể, quá trình đông máu nội sinh được kích hoạt. Fibrinogen chuyển thành các monome Fibrin dưới nồng độ Thrombin sinh lý thấp, tạo thành mạng lưới Fibrin 3D.

2 Giải phóng yếu tố tăng trưởng kéo dài



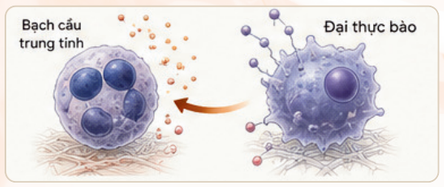
Các yếu tố tăng trưởng (GFs) được giữ trong mạng lưới Fibrin và được giải phóng từ từ khi Fibrin phân giải sinh học, kéo dài khoảng 7–14 ngày, tạo tín hiệu kích thích lành thương liên tục.

3 Giàn giáo sinh học 3D



Mạng lưới Fibrin xốp đóng vai trò giàn giáo nâng đỡ tạm thời, hỗ trợ tế bào đích như nguyên bào sợi, tế bào gốc và tạo cốt bào di cư, bám dính và tổng hợp chất nền tái tạo mô.

4 Vai trò của bạch cầu



Ma trận fibrin tạo thành có khả năng giữ và tập trung một số thành phần tế bào và protein huyết tương, tạo nên một nền tảng sinh học hỗ trợ giải phóng và tương tác tại chỗ trong quá trình sửa chữa và tái tạo mô.

QUY TRÌNH TẠO PRF

1. Lấy máu

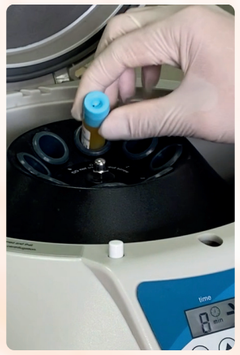


Lấy máu ngoại vi



2. Ly tâm





3. Tách lớp



Hình thành khối PRF



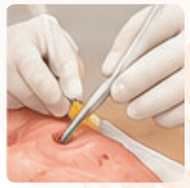
4. Thu PRP



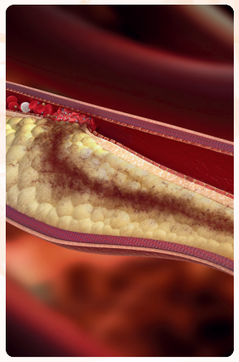
Thu PRF (màng/khối)



5. Ứng dụng



Ứng dụng trong lâm sàng





1.3. TỔNG QUAN KHOA HỌC: NGUYÊN LÝ PRP & PRF

TRONG LÀNH THƯƠNG TỰ THÂN

SO SÁNH NỔI BẬT GIỮA

PRP & PRF

Tiêu chí	PRP (Platelet rich plasma)	PRF (Platelet rich Fibrin)
Mạng fibrin	Thưa thớt (chỉ hình thành khi thêm chất đông)	Mạng lưới Fibrin 3D polymer hoá tự nhiên dày đặc
Chất chống đông	Bắt buộc sử dụng (Sodium Citrate/ ACD-A	Hoàn toàn không sử dụng
Động học giải phóng GFs	Bùng phát nhanh (>95% trong 1-2 giờ đầu)	Giải phóng từ từ, kéo dài ổn định (7-14 ngày)
Dạng chế phẩm	Dạng dung dịch lỏng/ Gel hoạt hoá	Dạng màng dai, cục đông đặc hoặc lỏng i-PRF
Ứng dụng điển hình	Tiêm vi điểm (Mesotherapy), tiêm nội khớp	Đắp màng ghép, chèn hốc khuyết, tạo *sticky Bone/Cartilage*

AN TOÀN SINH HỌC
Tự thân, không hóa chất, không độc tính

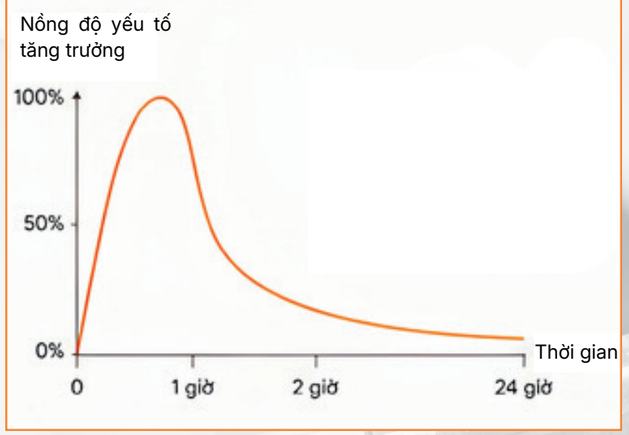
HIỆU QUẢ KÉO DÀI
Tính hiệu sinh học ổn định 7- 14 ngày

TÁI TẠO TỰ NHIÊN
Hỗ trợ quá trình lành thương tự thân

GIẢM VIÊM & KHÁNG KHUẨN
Điều biến viêm, hạn chế nhiễm trùng tại chỗ

ĐỘNG HỌC GIẢI PHÓNG YẾU TỐ TĂNG TRƯỞNG

PRP - GIẢI PHÓNG NHANH (BURST RELEASE)

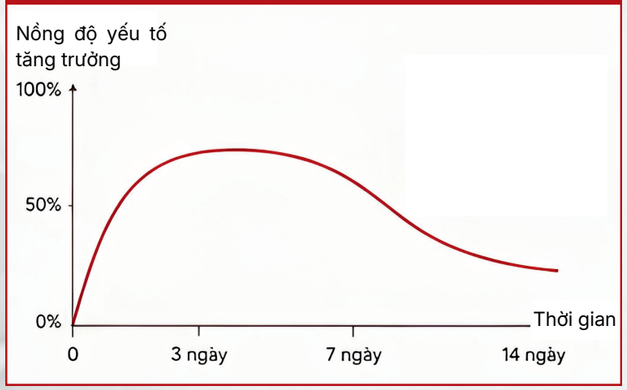


>95% GFs được giải phóng trong 1-2 giờ đầu tiên tạo hiệu ứng kích hoạt tức thì.

- Kích thích viêm cấp tính có kiểm soát
- Kích hoạt tăng sinh tế bào nhanh
- Phù hợp tiêm vào khớp, mô mềm, thẩm mỹ

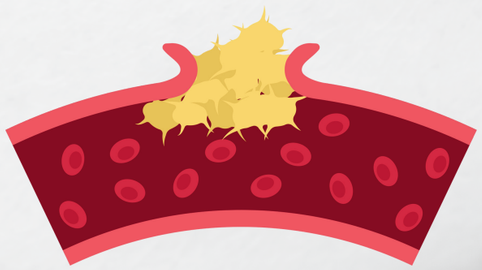


PRF - GIẢI PHÓNG KÉO DÀI (SUSTAINED RELEADE)



GFs được giữ lại trong mạng Fibrin 3D và giải phóng liên tục 7 - 4 ngày

- Kích thích lành thương bền vững
- Tạo môi trường tái tạo mô lâu dài
- Phù hợp che phủ vết thương, hốc khuyết, GBR, sticky bone/cartilage

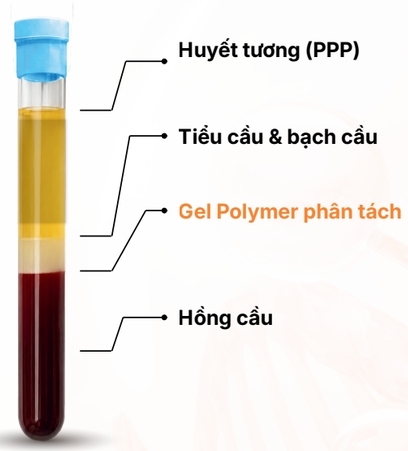


1.4 CÔNG NGHỆ GEL PHÂN TÁCH

Trong kỹ thuật điều chế chế phẩm sinh học tự thân, sự ra đời của Gel Polymer phân tách tỷ trọng (Density Gradient Separator Gel) đại diện cho bước tiến công nghệ quan trọng, khắc phục các hạn chế của phương pháp ly tâm phân đoạn thủ công không gel truyền thống.

CƠ CHẾ RÀO CẢN VẬT LÝ TỰ ĐỘNG CỦA GEL POLYMER

Trong kỹ thuật điều chế các chế phẩm máu tự thân, Gel Polymer phân tách tỷ trọng tạo ra một rào cản vật lý giữa các phân đoạn máu có tỷ trọng khác nhau, qua đó hỗ trợ quá trình phân tách và thu nhận chế phẩm một cách có kiểm soát.



Dưới tác động của lực ly tâm tương đối (RCF/g-force), các thành phần máu di chuyển theo sự khác biệt về tỷ trọng. Gel dịch chuyển đến vùng phân cách giữa hồng cầu ở phía dưới và các thành phần huyết tương/tiểu cầu ở phía trên, tạo thành lớp rào cản giữa các pha. Sau khi kết thúc quá trình ly tâm, gel tái lập trạng thái vật lý, duy trì vùng phân cách và hạn chế sự tái trộn giữa các lớp đã được phân tách.

THÔNG SỐ GEL POLYMER	
Thành phần	Polymer y tế có tính tương thích sinh học
Tỷ trọng	Tỷ trọng của gel được thiết kế phù hợp với cơ chế phân tách theo tỷ trọng của các thành phần máu. Dưới tác động của lực ly tâm, gel dịch chuyển đến vùng phân cách giữa các thành phần máu có tỷ trọng khác nhau, tạo thành một rào cản vật lý giữa các pha. Việc kiểm soát đặc tính tỷ trọng của gel, kết hợp với cấu hình thiết bị và thông số ly tâm, hỗ trợ thu nhận các chế phẩm PRP/PRF với thành phần tế bào khác nhau, bao gồm **Pure-PRP**, **LP-PRP**, **LR-PRP**, **Pure-PRF**, **LP-PRF**, **LR-PRF**.
Tính an toàn	Không độc, không gây phản ứng, đạt chuẩn sinh học ISO 10993
Ổn định	Ổn định dưới lực ly tâm cao, tạo ranh giới sắc nét giữa các lớp
Tương thích	Tương tích với ACD-A và Sodium Citrate 3.2%

ƯU ĐIỂM CỦA GEL PHÂN TÁCH

Phân tách chính xác
Tạo ranh giới rõ ràng, ngăn trộn lẫn giữa các lớp

Thu hồi tối ưu
Hiệu suất thu hồi tiểu cầu 70% - 90% (tùy dòng sản phẩm)

Loại bỏ hồng cầu vượt trội
Hạn chế các tác động liên quan đến tan máu, hemoglobin tự do, stress oxy hóa và đáp ứng viêm.

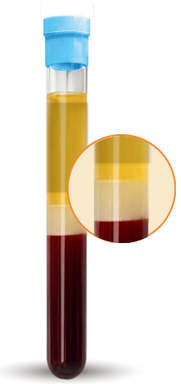
Gel ổn định , không hòa tan
Duy trì trạng thái và vị trí phân tách trong quá trình ly tâm, tạo ranh giới rõ ràng giữa các lớp thành phần máu.

Quy trình đơn giản
Chỉ 1 bước ly tâm, đạt hiệu suất thu hồi tiểu cầu cao

Tối ưu hóa chế phẩm
Chế phẩm có thành phần tế bào được kiểm soát Tiểu cầu thu nhận là nguồn cung cấp các yếu tố tăng trưởng và protein điều hòa tham gia vào quá trình sửa chữa và tái tạo mô.

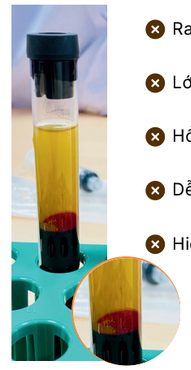
SO SÁNH HIỆU QUẢ PHÂN TÁCH

CÔNG NGHỆ GEL PHÂN TÁCH TỶ TRỌNG



- Ranh giới lớp rõ ràng
- Lớp PRP/PRF thu được tinh sạch
- Hồng cầu bị chặn hoàn toàn
- Ít bọt - ít lẫn tạp chất
- Hiệu suất thu hồi cao

PHƯƠNG PHÁP LY TÂM KHÔNG GEL



- Ranh giới mờ, dễ xáo trộn
- Lớp PRP lẫn hồng cầu
- Hồng cầu xuyên lên lớp PRP
- Dễ tạo bọt, lẫn tạp
- Hiệu suất thu hồi thấp

BẢNG SO SÁNH HIỆU QUẢ

TIÊU CHÍ SO SÁNH	CÔNG NGHỆ ỐNG CHỨA GEL PHÂN TÁCH	PHƯƠNG PHÁP LY TÂM KHÔNG GEL TRUYỀN THỐNG
Màng ngăn ranh giới	Tạo lớp rào cản vật lý giữa các phân đoạn máu sau ly tâm, hỗ trợ duy trì ranh giới phân tách	Không có lớp rào cản vật lý; ranh giới giữa các phân đoạn là ranh giới pha tự nhiên.
Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	Đạt từ 70 - 90% lượng tiểu cầu trong máu ngoại vi tuỳ theo phiên bản Pure, LP, hay LR.	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu phụ thuộc nhiều vào thông số ly tâm và kỹ thuật thu nhận
Tạp nhiễm Hồng cầu (RBCs)	Loại bỏ >99% hồng cầu (hàm lượng RBCs <0,5%).	Có thể xảy ra sự lẫn hồng cầu vào lớp PRP tùy điều kiện ly tâm và kỹ thuật thu nhận
Nguy cơ đảo ngược tế bào	Ngăn chặn hoàn toàn sự tái hòa trộn Giảm nguy cơ tái trộn giữa các lớp nhờ lớp rào cản vật lý của gel	Dễ xáo trộn lớp tế bào tại vùng phân cách khi thao tác hút/chuyển lớp
Thao tác thu chế phẩm	Hút trọn vẹn lớp PRP phía trên gel dễ dàng.	Yêu cầu kỹ thuật hút thủ công tỉ mỉ ở lớp ranh giới.
Độ đồng nhất chế phẩm	Độ lặp lại cao, ít phụ thuộc vào kỹ năng thao tác.	Phụ thuộc nhiều hơn vào thông số ly tâm và kỹ năng của người thực hiện.

Ý NGHĨA LÂM SÀNG
CỦA CÔNG NGHỆ GEL PHÂN TÁCH

Gel phân tách dựa trên tỷ trọng không chỉ giúp tách lớp chính xác mà còn mang lại những lợi ích lâm sàng vượt trội, nâng cao hiệu quả và độ an toàn cho điều trị.



1 HỖ TRỢ GIẢM STRESS OXY HÓA VÀ ĐÁP ỨNG VIÊM

Hồng cầu hiện diện trong chế phẩm PRP có thể bị tổn thương hoặc tan máu trong quá trình xử lý và sau khi đưa vào mô. Quá trình này có thể giải phóng hemoglobin và các thành phần liên quan đến heme, góp phần tạo ra stress oxy hóa và các tín hiệu thúc đẩy đáp ứng viêm.

Công nghệ Gel Polymer phân tách tỷ trọng tạo rào cản vật lý giữa lớp hồng cầu và phân đoạn huyết tương/tiểu cầu, qua đó hỗ trợ giảm sự hiện diện của hồng cầu trong chế phẩm thu nhận.

KHI CÒN NHIỀU HỒNG CẦU

Hồng cầu lẫn trong PRP → Tan máu - giải phóng Hemoglobin, sắt tự do → Phản ứng Fenton → ROS → Viêm - đau buốt, tăng sắc tố (PIH)

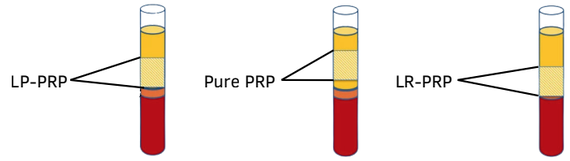
KHI SỬ DỤNG GEL PHÂN TÁCH

PRP tinh sạch, ít hồng cầu → Ít Hemoglobin, ít sắt tự do → ROS ↓ Giảm ROS - giảm viêm → Giảm đau sau tiêm, hạn chế PIH

Gel phân tách giúp tăng độ tinh sạch hồng cầu >99%, giảm tối đa phản ứng viêm và nâng cao trải nghiệm bệnh nhân.

2 KIỂM SOÁT THÀNH PHẦN TẾ BÀO
THEO MỤC TIÊU ĐIỀU TRỊ

Tỷ trọng Gel được hiệu chỉnh chính xác cho phép thu nhận các chế phẩm với các thành phần bạch cầu khác nhau, phù hợp với từng chỉ định lâm sàng.



ỨNG DỤNG PHÙ HỢP

Cơ xương khớp
Thoái hóa khớp, viêm gân, đứt dây chằng, chấn thương thể thao

Da liễu - thẩm mỹ
Trẻ hóa da, sẹo rỗ, rụng tóc, tái tạo da.

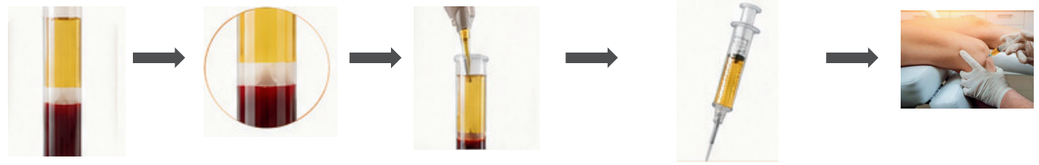
Nha khoa
Implant, GBR, nâng xoang, bảo tồn răng

Y học thể thao
Chấn thương mô mềm, tăng tốc phục hồi vận động.

Khai thác tối đa tiềm năng sinh học của tiểu cầu và bạch cầu, cá thể hóa chế phẩm cho từng mục tiêu điều trị.

3 CHUẨN HÓA QUY TRÌNH POINT - OF - CARE
ĐƠN GIẢN - ỔN ĐỊNH - DỄ LẶP LẠI

1. Sau ly tâm → **2. Gel tạo ranh giới rõ ràng, ổn định** → **3. Thu PRP dễ dàng, không lẫn RBCs** → **4. Chế phẩm đồng nhất, chất lượng lặp lại cao** → **5. Ứng dụng an toàn, hiệu quả**



- Dễ thao tác, tiết kiệm thời gian
- Giảm phụ thuộc vào kỹ năng vận hành
- Tăng tính đồng nhất giữa các ca điều trị
- Hạn chế sai số và biến thiên kết quả

CÔNG NGHỆ GEL PHÂN TÁCH DỰA TRÊN TỶ TRỌNG

Tạo ra chế phẩm PRP/PRF tinh sạch - ổn định - an toàn.
Góp phần nâng cao hiệu quả điều trị và sự hài lòng của người bệnh



02

GIẢI PHÁP VÀ SẢN PHẨM HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

PRP

2.1 TỔNG QUAN CÔNG NGHỆ PRP

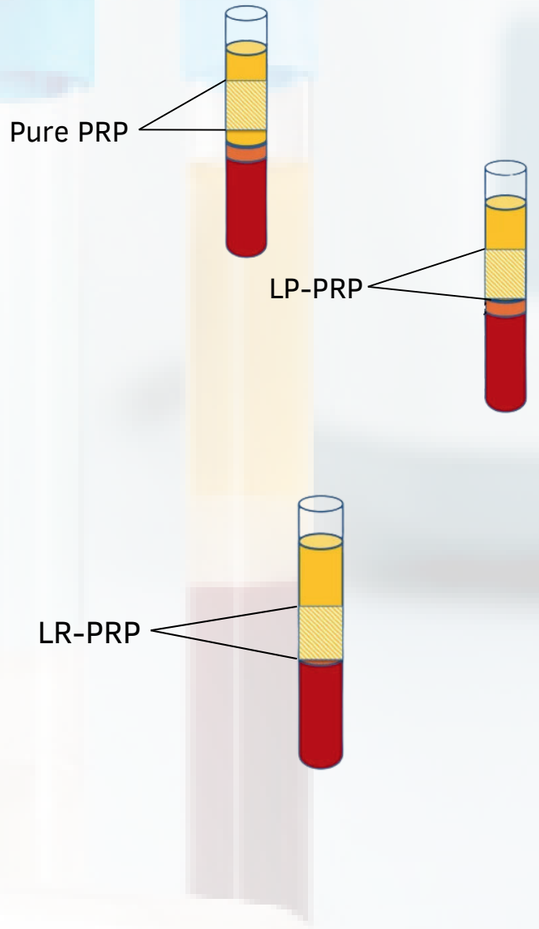


PRP là chế phẩm sinh học tự thân được điều chế từ máu ngoại vi qua quá trình ly tâm phân đoạn, có nồng độ tiểu cầu cô đặc cao gấp **3 đến 5 lần** so với mức nền trong máu ngoại vi.

Ống PRP được phát triển cho quá trình phân tách và thu nhận PRP từ máu ngoại vi bằng phương pháp ly tâm. Với công nghệ gel phân tách theo tỷ trọng, ống hỗ trợ tạo ranh giới phân tách rõ giữa các thành phần máu, góp phần kiểm soát thành phần tế bào và nâng cao tính nhất quán của chế phẩm PRP.

Sản phẩm được phân loại là Thiết bị Y tế Loại B.

CÁC DÒNG CHẾ PHẨM PRP CỐT LÕI



Pure - PRP và LP - PRP (Leukocyte Poor PRP)

Chế phẩm nghèo bạch cầu, giảm thiểu hàm lượng bạch cầu trung tính tiền viêm. Thích hợp cho các chỉ định tiêm nội khớp gối, trẻ hóa da thẩm mỹ, mesotherapy và điều trị rụng tóc, rút ngắn tối đa thời gian sưng đau sau can thiệp.

LR - PRP (Leukocyte Rich PRP)

Chế phẩm giàu bạch cầu, giữ lại bạch cầu đơn nhân (monocytes) giúp hóa ứng động và dọn dẹp tế bào xơ chết. Chỉ định tối ưu cho các bệnh lý gân, dây chằng mạn tính (Tennis Elbow, viêm cân gan chân, gân Achilles).

2.2 DÒNG SẢN PHẨM ỐNG PHÂN TÁCH PRP HAI NHÃN HÀNG – MỘT NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ

Thiết bị y tế LOẠI B

Dòng ống thu nhận PRP của Viện Tế bào gốc được phát triển và cung cấp dưới hai nhãn hàng, đáp ứng các định hướng phân phối và nhận diện sản phẩm khác nhau.
Hai nhãn hàng cùng dựa trên nền tảng công nghệ phân tách PRP và các yêu cầu kiểm soát chất lượng tương ứng, trong khi nhận diện thương hiệu và định hướng thị trường có thể được thiết kế riêng theo từng dòng sản phẩm.

A. DÒNG ỐNG THU NHẬN HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU -THƯƠNG HIỆU REGENMEDLAB

Regenmedlab

Mã SP	Tên chủng loại	Loại PRP	Chất chống đông	pH	Ly tâm
626	Regenmedlab LP-5PRP	Pure-PRP	ACD-A	7,0 – 7,5	1000g, 8 phút
627	Regenmedlab LR-5PRP	LR-PRP	ACD-A	7,0 – 7,5	1000g, 8 phút
634	Regenmedlab Pure-PRP	Pure-PRP	ACD-A	7,0 – 7,5	1000g, 8 phút
635	Regenmedlab LP-PRP	LP-PRP	ACD-A	7,0 – 7,5	1000g, 8 phút
636	Regenmedlab LR-PRP	LR-PRP	ACD-A	7,0 – 7,5	1000g, 8 phút

THÔNG SỐ CHUNG

Thể tích máu 10 – 11 mL, công nghệ Gel Polymer, hệ số cô đặc 3x–5x, hiệu suất thu hồi ≥70%-90%, độ tinh sạch hồng cầu >99%.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 25 ống, 50 ống , hoặc 100 ống



B. DÒNG ỐNG THU NHẬN HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU - THƯƠNG HIỆU BIOTHÉRAPIE

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Mã SP	Tên chủng loại	Loại PRP	Chất chống đông	pH	Ly tâm
808	Biothérapie Pure-PRP	Pure-PRP	Sodium Citrate	7,5 - 7,9	1000g, 10 phút
809	Biothérapie LP-PRP	LP-PRP	Sodium Citrate	7,5 – 7,9	1000g, 10 phút
810	Biothérapie LR-PRP	LR-PRP	Sodium Citrate	7,5 – 7,9	1000g, 10 phút
840	Biothérapie Beauté PRP	Pure-PRP	ACD-A	7,0 – 7,5	1000g, 8 phút

THÔNG SỐ CHUNG

Thể tích máu 10 – 11 mL, công nghệ Gel Polymer, hệ số cô đặc 3x–5x, hiệu suất thu hồi ≥70%-90%, độ tinh sạch hồng cầu >99%.

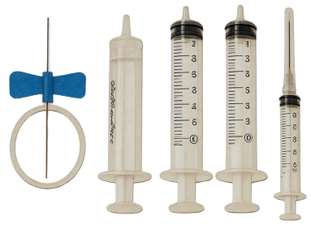
QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Túi 25 ống (-25), 50 ống (-50), hoặc 100 ống (-100).



C. BỘ DỤNG CỤ HỖ TRỢ

Bộ hỗ trợ thu máu (Mã SP: 640): Bao gồm 1 kim lấy máu chân không, 1 ống giữ kim, 1 kim dài, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10 mL.



Bộ Hoạt Hóa PRP bằng canxi (Mã SP: 642): Quy cách 1 mL đóng trong ống nghiệm vô trùng, sử dụng hoạt hóa PRP lỏng thành dạng Gel

2.3. DÒNG SẢN PHẨM "BỘ THU NHẬN HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU"



Sản phẩm "**Bộ thu nhận huyết tương giàu tiểu cầu**" được thiết bị y tế loại B, được thiết kế với đóng gói đồng bộ gồm đầy đủ các dụng cụ hỗ trợ thu máu, phân tách và hoạt hóa PRP.

Sản phẩm được xây dựng với nhiều chủng loại khác nhau dựa trên:

- Thể tích máu thu được
- Loại PRP (tinh sạch - Pure; giàu bạch cầu - LR; nghèo bạch cầu - LP)
- Dạng hoạt hóa (có hoạt hóa và không hoạt hóa)
- Loại chất chống đông sử dụng

Mỗi chủng lại khác nhau sẽ mang lại hiệu quả phù hợp với từng yêu cầu lâm sàng theo chỉ định của các chuyên gia y tế. Quy trình thu nhận PRP được thực hiện với thao tác khép kín, sẵn sàng sử dụng tại chỗ.

A. BỘ THU NHẬN HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU THƯƠNG HIỆU REGENMEDLAB

Mã SP	Chủng loại	Thể tích máu	Loại PRP	Hoạt hóa
146	Regenmedlab 5PRP Kit	20 – 22 mL	Pure-PRP	Cơ học
376	Regenmedlab 5PRP Kit V1	10 – 11 mL	Pure-PRP	Cơ học
622	Regenmedlab LP-5PRP Kit V1	10 – 11 mL	LP-PRP	Không
623	Regenmedlab LP-5PRP Kit V2	20 – 22 mL	LP-PRP	Không
624	Regenmedlab LR-5PRP Kit V1	10 – 11 mL	LR-PRP	Không
625	Regenmedlab LR-5PRP Kit V2	20 – 22 mL	LR-PRP	Không
457	Regenmedlab Pure-PRP Kit	20 – 22 mL	Pure-PRP	Cơ học
458	Regenmedlab LP-PRP Kit	20 – 22 mL	LP-PRP	Không
459	Regenmedlab LR-PRP Kit	20 – 22 mL	LR-PRP	Không



B. BỘ THU NHẬN HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU THƯƠNG HIỆU BIOTHÉRAPIE

Mã SP	Chủng loại	Loại PRP	Chất chống đông	Hoạt hóa
800	Biothérapie Pure-PRP Kit	Pure-PRP	Sodium Citrate	Cơ học
801	Biothérapie LP-PRP Kit	LP-PRP	Sodium Citrate	Không
802	Biothérapie LR-PRP Kit	LR-PRP	Sodium Citrate	Không
820	Biothérapie Beauté PRP Kit	Pure-PRP	ACD-A	Cơ học

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thể tích máu 20 – 22 mL (2 ống), cô đặc 3x–5x, hiệu suất thu hồi ≥70% - 90%, pH 7,5 – 7,9 (riêng mã 820 pH 7,0 - 7,5).

DỤNG CỤ ĐI KÈM

- Kim lấy máu chân không
- Ống giữ kim
- Gạc tẩm cồn
- Băng cá nhân
- Bơm tiêm đầu xoắn 10mL
- Ống nối 3 chạc



03

GIẢI PHÁP VÀ SẢN PHẨM FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

PRF

3.1. SỰ TIẾN HÓA CÔNG NGHỆ PRF VÀ ƯU ĐIỂM SINH HỌC VƯỢT TRỘI



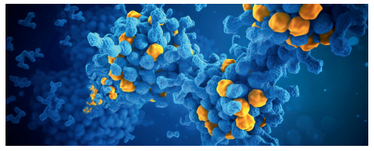
Fibrin giàu tiểu cầu (Platelet-Rich Fibrin – PRF) là một chế phẩm sinh học tự thân, thường được xem là bước phát triển tiếp theo của công nghệ PRP trong y học tái tạo. Khác với PRP được thu nhận từ máu có sử dụng chất chống đông, PRF được tạo thành từ máu toàn phần không sử dụng chất chống đông, cho phép quá trình đông máu sinh lý diễn ra tự nhiên và hình thành mạng lưới fibrin 3D.

Trong quá trình hình thành cục fibrin, tiểu cầu và một phần tế bào bạch cầu được giữ lại trong cấu trúc fibrin, tạo nên một nền sinh học có khả năng tương tác với các tế bào tại vị trí sử dụng. Mạng lưới fibrin đồng thời đóng vai trò như một giàn giáo sinh học, hỗ trợ sự bám dính, di chuyển và tương tác của tế bào trong quá trình sửa chữa mô.

ƯU ĐIỂM SINH HỌC VƯỢT TRỘI CỦA PRF

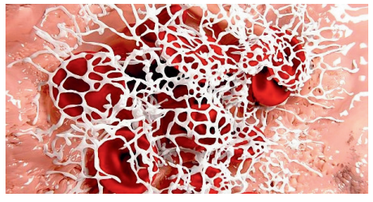
NỀN SINH HỌC TỰ THÂN

Được tạo thành trực tiếp từ máu tự thân và không sử dụng chất chống đông trong quá trình hình thành fibrin.



GIẢI PHÓNG CÁC TÍN HIỆU SINH HỌC

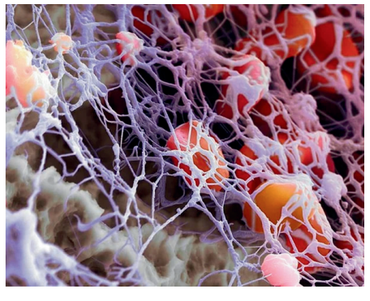
Cấu trúc fibrin tạo môi trường cho sự tương tác và giải phóng các yếu tố sinh học từ tiểu cầu theo động học phụ thuộc vào đặc tính của chế phẩm và điều kiện sử dụng.



Màng giàn giáo sinh học (3D Scaffold)

Mạng lưới sợi Fibrin 3D bẫy giữ tiểu cầu và bạch cầu, giải phóng chậm rãi các yếu tố tăng trưởng (PDGF, VEGF, TGF-β) liên tục trong 7 đến 14 ngày.

Ma trận fibrin này hỗ trợ bám dính và di chuyển tế bào, đồng thời tạo nền tảng vật lý cho quá trình tái cấu trúc mô.



3.2. GIỚI THIỆU CÁC DÒNG SẢN PHẨM THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU CHUYÊN BIỆT

Trên cơ sở đặc tính chế phẩm và phương thức sử dụng, các sản phẩm PRF được định hướng cho 04 nhóm ứng dụng chính:

1 PRF dạng lỏng – Pure-PRF / Pure-iPRF
Nghèo bạch cầu - Dạng lỏng

Chế phẩm PRF dạng lỏng được thu nhận nhằm duy trì trạng thái có khả năng thao tác và sử dụng trong khoảng thời gian phù hợp trước khi hình thành mạng fibrin.
Dạng chế phẩm này phù hợp với các ứng dụng yêu cầu sử dụng PRF ở trạng thái lỏng hoặc phối hợp trực tiếp với vật liệu sinh học.

2 PRF nghèo bạch cầu – LP-PRF / LP-5PRF
Nghèo bạch cầu, giàu tiểu cầu/yếu tố tăng trưởng

LP-PRF (Leukocyte-Poor PRF) là nhóm chế phẩm được định hướng kiểm soát hàm lượng bạch cầu trong sản phẩm thu nhận, đồng thời tập trung vào phân đoạn giàu tiểu cầu và các thành phần sinh học liên quan.
Chế phẩm được sử dụng trong các ứng dụng ưu tiên môi trường PRF có hàm lượng bạch cầu thấp và khả năng cung cấp các thành phần sinh học tại vị trí sử dụng.

3 PRF giàu bạch cầu – LR-PRF / LR-5PRF
Giàu bạch cầu và tiểu cầu

LR-PRF (Leukocyte-Rich PRF) là nhóm chế phẩm được định hướng duy trì hàm lượng bạch cầu cao hơn trong sản phẩm PRF sau ly tâm.
Sự hiện diện đồng thời của fibrin, tiểu cầu và các thành phần tế bào máu tạo nên một chế phẩm phù hợp với các ứng dụng tại vùng mô cần hỗ trợ quá trình đáp ứng và phục hồi sinh học.

4 PRF cổ điển – Classic PRF
Khối/Màng Fibrin đặc

Là dạng PRF được thu nhận bằng phương pháp ly tâm lắng, tạo thành khối fibrin có cấu trúc đặc và có khả năng tạo màng sau quá trình đông/polymer hóa.
Đây là dạng chế phẩm phù hợp với các ứng dụng yêu cầu PRF ở trạng thái khối hoặc màng fibrin.

4 ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG PRF

PRF dạng lỏng – Pure-PRF / Pure-iPRF



Tiêm PRF dạng lỏng; Các ứng dụng chăm sóc và tái tạo mô mềm; Mesotherapy; Phối hợp với vật liệu ghép hoặc vật liệu sinh học phù hợp.

PRF nghèo bạch cầu – LP-PRF / LP-5PRF



Hỗ trợ tái tạo mô, phục hồi mô mềm;; Phối hợp trong các quy trình tái tạo mô; Phối hợp với vật liệu ghép sinh học phù hợp.

PRF giàu bạch cầu – LR-PRF / LR-5PRF



Hỗ trợ chăm sóc và phục hồi mô tổn thương;; Ứng dụng tại vùng mô có phản ứng viêm; Hỗ trợ quá trình lành thương; Các ứng dụng liên quan đến chăm sóc vết thương và mô mềm.

PRF cổ điển – Classic PRF



- Tạo màng PRF;
- Tạo khối PRF;
- Che phủ vùng mô
- Phối hợp với vật liệu ghép;
- Hỗ trợ quá trình lành thương và tái tạo mô.

3.3. DÒNG SẢN PHẨM ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU (PRF TUBES)

Các ống thu nhận PRF được thiết kế để sử dụng với máu toàn phần không bổ sung chất chống đông, theo quy trình thu nhận và ly tâm được xác định cho từng dòng sản phẩm.
Các đặc tính liên quan đến vật liệu ống, phụ gia/gel phân tách nếu có, phương pháp tiệt khuẩn, thể tích danh định, điều kiện ly tâm và hướng dẫn sử dụng phải được xác định theo hồ sơ kỹ thuật tương ứng của từng sản phẩm.

Việc lựa chọn dòng ống PRF cần căn cứ vào:

1. Mục đích sử dụng chế phẩm;
2. Trạng thái mong muốn của chế phẩm: dạng lỏng, gel, khối hoặc màng;
3. Đặc tính thành phần tế bào mong muốn;
4. Phương pháp và thông số ly tâm được quy định;
5. Quy trình chuyên môn và chỉ định sử dụng tương ứng.

A. DÒNG "ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU" THƯƠNG HIỆU REGENMEDLAB

Regenmedlab

Dòng ống thu nhận PRF Regenmedlab bao gồm các cấu hình chuyên biệt cho PRF dạng lỏng, PRF nghèo bạch cầu, PRF giàu bạch cầu và PRF cổ điển.

Mã SP	Tên chủng loại	Thể tích	Công nghệ / Loại PRF	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Ly tâm
632	Regenmedlab LP-5PRF	11 - 12 mL	Gel đẳng tỷ trọng / LP-PRF	3x–5x	1000g, 10 phút
633	Regenmedlab LR-5PRF	11 - 12 mL	Gel đẳng tỷ trọng / LR-PRF	3x–5x	1000g, 10 phút
637	Regenmedlab Pure-PRF	11 - 12 mL	Gel đẳng tỷ trọng / Pure-PRF	3x–5x	1000g, 10 phút
638	Regenmedlab LP-PRF	11 - 12 mL	Gel đẳng tỷ trọng / LP-PRF	3x–5x	1000g, 10 phút
639	Regenmedlab LR-PRF	11 - 12 mL	Gel đẳng tỷ trọng / LR-PRF	3x–5x	1000g, 10 phút
454	Regenmedlab Classic PRF	13 – 14 mL	Ly tâm lắng / Classic	-	400g, 10 phút
661	Regenmedlab Pure-iPRF	11 - 12 mL	Gel đẳng tỷ trọng / LP-PRF	3x–5x	1000g, 10 phút

B. DÒNG "ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU" THƯƠNG HIỆU BIOTHÉRAPIE

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Dòng ống thu nhận PRF Biothérapie cung cấp các cấu hình sản phẩm phục vụ thu nhận PRF dạng lỏng và PRF dạng khối/màng theo các điều kiện ly tâm tương ứng.

Mã SP	Tên chủng loại	Thể tích	Công nghệ / Loại PRF	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Ly tâm
812	Biothérapie Pure PRF	11 - 12 mL	Pure-PRF (iPRF)	3x–5x	1000g, 10 phút
813	Biothérapie LP-PRF	11 - 12 mL	LP-PRF (iPRF)	3x–5x	1000g, 10 phút
814	Biothérapie LR-PRF	11 - 12 mL	LR-PRF (iPRF)	3x–5x	1000g, 10 phút
817	Biothérapie Classic PRF	13 – 14 mL	PRF cổ điển	-	400g, 10 phút

3.4. DÒNG SẢN PHẨM "BỘ THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU "

Bộ thu nhận fibrin giàu tiểu cầu (PRF Kit) là bộ sản phẩm được cấu hình nhằm hỗ trợ quá trình thu nhận chế phẩm fibrin giàu tiểu cầu từ máu tự thân theo quy trình sử dụng tương ứng.
Tùy theo cấu hình sản phẩm, bộ dụng cụ có thể bao gồm ống thu nhận PRF và các dụng cụ hỗ trợ lấy máu, chuyển mẫu và thao tác với chế phẩm. Việc tích hợp các thành phần trong cùng một bộ giúp chuẩn hóa các bước thao tác và thuận tiện trong quá trình sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
Các bộ thu nhận PRF được thiết kế không sử dụng chất chống đông trong ống thu nhận, với cấu hình và thông số ly tâm tương ứng với từng dòng sản phẩm.

A. DÒNG BỘ THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU THƯƠNG HIỆU REGENMEDLAB

Dòng sản phẩm Regenmedlab PRF Kit được cung cấp với nhiều cấu hình khác nhau, bao gồm phiên bản sử dụng 01 hoặc 02 ống thu nhận, đáp ứng các quy trình thu nhận Pure-PRF, LP-PRF và LR-PRF.

Mã SP	Tên chủng loại	Thể tích	Công nghệ / Loại PRF	Hoạt hoá	Ly tâm
390	Regenmedlab 5PRF Kit V1	11 -12 mL máu (1 ống)	Pure-PRF (iPRF)	—	1000g / 10 phút
389	Regenmedlab 5PRF Kit V2	22–24 mL máu (2 ống)	Pure-PRF (iPRF)	—	1000g / 8 phút
628	Regenmedlab LP-5PRF Kit V1	11 -12 mL máu (1 ống)	LP-PRF (iPRF)	—	1000g / 10 phút
629	Regenmedlab LP-5PRF Kit V2	22–24 mL máu (2 ống)	LP-PRF (iPRF)	—	1000g / 10 phút
630	Regenmedlab LR-5PRF Kit V1	11 -12 mL máu (1 ống)	LR-PRF (iPRF)	—	1000g / 10 phút
631	Regenmedlab LR-5PRF Kit V2	22–24 mL máu (2 ống)	LR-PRF (iPRF)	—	1000g / 10 phút
460	Regenmedlab Pure-PRF Kit	22–24 mL máu (2 ống)	Pure-PRF (iPRF)	—	1000g / 10 phút
660	Regenmedlab Pure-iPRF Kit	22–24 mL máu (2 ống)	Pure-PRF (iPRF)	Hoạt hóa tự nhiên sau 15–20 phút ở 37oC	—
461	Regenmedlab LP-PRF Kit	22–24 mL máu (2 ống)	LP-PRF (iPRF)	—	1000g / 10 phút
462	Regenmedlab LR-PRF Kit	22–24 mL máu (2 ống)	LR-PRF (iPRF)	—	1000g / 10 phút

Thành phần bộ dụng cụ đi kèm:


Kim lấy máu chân không


Ống giữ kim


Gạc tẩm cồn


Băng cá nhân


Bơm tiêm đầu xoắn 10mL

Hoạt hóa bằng ống **PRF Activator** (trừ mã 660).

Và các thành phần phụ trợ khác theo cấu hình của từng bộ sản phẩm

B. DÒNG "BỘ THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU" THƯƠNG HIỆU BIOTHÉRAPIE

Dòng sản phẩm Biothérapie PRF Kit được cấu hình cho các quy trình thu nhận Pure-PRF, LP-PRF và LR-PRF. Các bộ sản phẩm được cung cấp theo cấu hình 02 ống thu nhận, với tổng thể tích máu tham chiếu 22–24 mL.

Mã SP	Tên chủng loại	Thể tích	Công nghệ / Loại PRF	Hoạt hoá	Ly tâm
804	Biothérapie Pure-PRF Kit	22–24 mL máu (2 ống)	Pure-PRF	Hoạt hóa tự nhiên	1000g / 10 phút
805	Biothérapie LP-PRF Kit	22–24 mL máu (2 ống)	LP-PRF	Hoạt hóa tự nhiên	1000g / 10 phút
806	Biothérapie LR-PRF Kit	22–24 mL máu (2 ống)	LR-PRF	Hoạt hóa tự nhiên	1000g / 10 phút

Thành phần bộ dụng cụ đi kèm:


Kim lấy máu chân không


Ống giữ kim


Gạc tẩm cồn


Băng cá nhân


Bơm tiêm đầu xoắn 10mL

Và các thành phần phụ trợ khác theo cấu hình của từng bộ sản phẩm.

Nguyên tắc sử dụng

Việc lựa chọn và sử dụng bộ thu nhận PRF cần căn cứ vào mục đích sử dụng, loại chế phẩm mong muốn, thể tích máu thu nhận và thông số ly tâm được quy định cho từng mã sản phẩm.
Người sử dụng cần tuân thủ hướng dẫn sử dụng, điều kiện bảo quản, yêu cầu vô khuẩn và các thông số kỹ thuật tương ứng với từng sản phẩm.
Không tự ý thay đổi thông số ly tâm hoặc cấu hình sử dụng nếu chưa có cơ sở xác nhận tính tương thích và khả năng tạo chế phẩm theo thiết kế của sản phẩm.



04

DỮ LIỆU CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN SINH HỌC & KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

4.1. TIÊU CHUẨN VÔ TRÙNG & AN TOÀN SINH HỌC

Chất lượng của hệ thống ống thu nhận PRP/PRF không chỉ phụ thuộc vào thiết kế và vật liệu cấu thành mà còn phụ thuộc vào kiểm soát vô khuẩn, giới hạn nội độc tố và các chỉ tiêu an toàn sinh học của sản phẩm.
Các sản phẩm ống thu nhận PRP/PRF của Regenmedlab và Biothérapie được sản xuất và kiểm soát theo các yêu cầu kỹ thuật tương ứng với từng sản phẩm, nhằm đảm bảo tính phù hợp cho mục đích sử dụng được nhà sản xuất công bố.

TIÊU CHUẨN VÔ TRÙNG & AN TOÀN SINH HỌC

1 Công nghệ tiệt trùng

Các sản phẩm ống thu nhận PRP/PRF được cung cấp ở trạng thái vô trùng và được xử lý bằng phương pháp tiệt khuẩn phù hợp với thiết kế sản phẩm.
Tùy theo từng dòng sản phẩm và quy trình sản xuất, phương pháp tiệt khuẩn có thể bao gồm:
Bức xạ Gamma / Chùm tia điện tử (E-beam)
Quy trình tiệt khuẩn được kiểm soát theo các thông số đã được xác định và thẩm định đối với từng sản phẩm.
Lưu ý: Liều tiệt khuẩn cụ thể được xác định theo hồ sơ kỹ thuật và quy trình thẩm định của nhà sản xuất.

2 Kiểm Soát Chỉ Tiêu Nội Độc Tố

Nội độc tố Endotoxins < 0,5-1 EU/mL: Hàm lượng lipopolysaccharide (LPS) từ màng vi khuẩn Gram âm được kiểm soát ở mức dưới 1 EU/mL

4.2 KIỂM SOÁT CHỈ SỐ SINH HỌC THÀNH PHẨM

Các chỉ tiêu liên quan đến tính chất sinh học và hóa lý của chế phẩm PRP/PRF sau thu nhận có thể được sử dụng để đánh giá tính nhất quán của quy trình và đặc tính của sản phẩm.
Các chỉ tiêu có thể bao gồm: pH; Hàm lượng hoặc tỷ lệ các thành phần tế bào máu; Hàm lượng tiểu cầu;Hàm lượng bạch cầu; Mức độ loại bỏ hồng cầu; Thể tích chế phẩm thu nhận; Các chỉ tiêu sinh học khác theo tiêu chuẩn kỹ thuật của từng sản phẩm.

1 Duy trì trị số pH sinh lý

pH của chế phẩm sau thu nhận là một trong những chỉ tiêu có thể được sử dụng để đánh giá đặc tính hóa lý của sản phẩm. Đối với các sản phẩm có dữ liệu kiểm soát pH, khoảng giá trị pH được xác định theo tiêu chuẩn kỹ thuật của từng dòng sản phẩm.
Nếu sử dụng các giá trị tham chiếu cụ thể như:

- Regenmedlab: pH 7,0–7,5
- Biothérapie: pH 7,5–7,9

Ý nghĩa của việc kiểm soát pH
Duy trì đặc tính hóa lý phù hợp của chế phẩm góp phần đảm bảo tính tương thích của sản phẩm với quy trình sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
Không nên sử dụng các cụm từ như "triệt tiêu cảm giác đau buốt", "ngăn bỏng rát" hoặc "không gây đau" nếu chưa có nghiên cứu lâm sàng trực tiếp chứng minh mối liên hệ nhân quả giữa thông số pH của sản phẩm và các kết cục này.

2 Độ tinh sạch hồng cầu tối đa

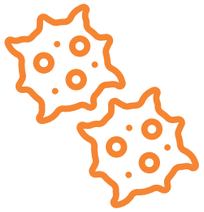
Loại bỏ >99% hồng cầu: Công nghệ ly tâm đẳng tỷ trọng bằng Gel Polymer tự động tạo rào cản vật lý ngăn cách tuyệt đối khối hồng cầu chìm ở đáy ống khỏi lớp PRP/PRF màu vàng rơm phía trên.
Kiểm soát các yếu tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm: Việc loại bỏ hồng cầu giúp ngăn chặn hiện tượng tan máu giải phóng Hemoglobin và sắt tự do (Fe^{2+}). Sắt tự do là tác nhân kích hoạt phản ứng Fenton sinh các gốc tự do oxy hóa (ROS) có thể gây tổn thương màng hoạt dịch khớp hoặc kích hoạt hiện tượng tăng sắc tố sau viêm (PIH) trong điều trị thẩm mỹ da.

4.3 BẰNG CHỨNG PHÂN TÍCH TẾ BÀO & THỬ NGHIỆM LÂM SÀNG

Chất lượng chế phẩm PRP/PRF sau thu nhận phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm đặc tính mẫu máu ban đầu, thể tích máu thu nhận, cấu hình ống, điều kiện ly tâm và quy trình thao tác sau ly tâm.

1 Dữ liệu định lượng tế bào chuẩn hoá

Hệ số cô đặc tiểu cầu sinh lý vàng (3x – 5x): Chế phẩm đạt nồng độ tiểu cầu cô đặc tăng từ 3 đến 5 lần so với mức nền trong máu ngoại vi (tương đương mật độ thành phẩm 1.000.000 – 1.500.000 tiểu cầu/µL).

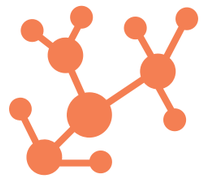


Hiệu suất thu hồi tiểu cầu (Platelet Recovery Rate):

- ***Đạt ≥70%:*** Đối với các dòng chế phẩm Pure-PRP, Pure-PRF.
- ***Đạt ≥80%:*** Đối với các dòng chế phẩm giàu bạch cầu LP-PRP và LP-PRF.
- **Đạt ≥ 90%:** Đối với các dòng chế phẩm giàu bạch cầu LR-PRP và LR-PRF.

2 Động học giải phóng yếu tố tăng trưởng (GFs Kinetics)

Động học dòng PRP (Giai đoạn bùng phát cấp tính): Khi được hoạt hóa bởi $CaCl_2$ hoặc Collagen mô, tiểu cầu trong PRP giải phóng bùng phát >95% lượng yếu tố tăng trưởng (PDGF, VEGF, TGF-β1, EGF) trong 1 đến 2 giờ đầu tiên, tạo ngọn lửa sinh học kích hoạt tức thì quá trình phân bào và tăng sinh tế bào.



Động học dòng PRF (Phóng thích kéo dài bền vững): Mạng lưới sợi Fibrin 3D polymer hóa tự nhiên bẫy giữ các yếu tố tăng trưởng và giải phóng chậm rãi, tuyến tính kéo dài liên tục trong 7 đến 14 ngày theo tốc độ phân rã sinh học của màng Fibrin, tạo tín hiệu kích thích lành thương lâu dài cho các vết loét mạn tính và hốc khuyết mô.

Vô trùng tuyệt đối
Tiệt trùng Gamma / E-beam (≤ 25 kGy)

Nội độc tố thấp
Endotoxins < 0,5-1 EU/mL
Pyrogen - free

Cô đặc tiểu cầu
3x - 5x nồng độ nền
1.000,000 - 1.500,000 PLT/µL

Giải phóng tăng trưởng
Bùng phát 1-2 giờ (PRP)
Kéo dài 7 - 14 (PRF)

pH sinh lý
ổn định
7,0 - 7,5 (Hoặc 7,5 - 7,9)
An toàn - dễ chịu

Hiệu quả an toàn
Hỗ trợ lành thương
& ít biến chứng

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ SỐ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG (CMC) THÀNH PHẨM

Chỉ tiêu chất lượng	Giá trị / Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Ý nghĩa y khoa & Lâm sàng
Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy) / E-beam	Kiểm soát nguy cơ nhiễm vi sinh trong quá trình thu nhận và sử dụng chế phẩm theo mục đích sử dụng của sản phẩm.
Nội độc tố (Endotoxins)	< 0,5-1 EU/mL & Pyrogen-free	Kiểm soát mức nội độc tố của sản phẩm, góp phần bảo đảm yêu cầu an toàn sinh học (như phòng ngừa sốc nhiễm độc, phản ứng sốt và hoại tử mô...) khi sử dụng theo chỉ định.
Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70% (Pure-PRP/LP-PRP) đến > 80% (LR-PRP)	Thể hiện khả năng thu nhận và bảo toàn tiểu cầu từ lượng máu ban đầu trong quá trình xử lý.
Hệ số cô đặc tiểu cầu*	Tăng 3x – 5x nồng độ nền, tương ứng mật độ 1.000,000 – 1.500,000 PLT/µL	Tạo chế phẩm có nồng độ tiểu cầu cao hơn so với mẫu máu ban đầu, là một đặc tính quan trọng của chế phẩm PRP/PRF như hỗ trợ kích hoạt tái tạo mô.
Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu (< 0,5% RBCs)	Giúp kiểm soát thành phần hồng cầu trong chế phẩm và nâng cao tính nhất quán của thành phần tế bào, hạ chế sự hiện diện của các thành phần không mong muốn gây giảm chất lượng sản phẩm (như gốc tự do ROS), từ đó hỗ trợ giảm tác động gây đau buốt và PIH.
Trị số pH sinh lý	7,0 – 7,5 (hoặc 7,5 – 7,9)	Tạo cảm giác êm dịu, không gây sốc nhiệt/acid tại mô tiêm.
Chứng nhận pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B	Đầy đủ hồ sơ lưu hành

* Các thông số có thể thay đổi theo từng mã sản phẩm, cấu hình ống, thể tích máu, đặc điểm mẫu máu ban đầu và quy trình ly tâm. Giá trị công bố trong catalog được áp dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật và hồ sơ của từng sản phẩm.

Công bố **Thiết bị Y tế Loại B**
Đầy đủ hồ sơ lưu hành sản phẩm



05

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH, MÃ SẢN PHẨM & DỊCH VỤ HỖ TRỢ

5.1. QUY TRÌNH THAO TÁC CHUẨN (SOP) & THÔNG SỐ LY TÂM KHUYẾN NGHỊ

Sự thành công của liệu pháp tái tạo mô tự thân đòi hỏi việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thao tác chuẩn (SOP) từ khâu thu nhận máu, cài đặt thông số ly tâm, đến khâu hoạt hóa và tiêm/ghép chế phẩm.

BẢNG THÔNG SỐ LY TÂM CHUẨN HÓA DÙNG CHO CÁC DÒNG ỐNG VÀ BỘ

Nhóm Dòng Sản Phẩm	Chất Chống Đông	Lực Ly Tâm (RCF / g-force)	Thời Gian Ly Tâm	Nhiệt Độ Vận Hành
Dòng PRP ACD-A (Regenmedlab LP-5PRP, LR-5PRP, Pure-PRP, LP-PRP, LR-PRP, Biothérapie Beauté PRP)	ACD-A	**1000g**	8 phút	20°C – 25°C (Nhiệt độ phòng)
Dòng PRP Sodium Citrate (Biothérapie Pure-PRP, LP-PRP, LR-PRP)	Sodium Citrate	**1000g**	10 phút	20°C – 25°C (Nhiệt độ phòng)
Dòng PRF Gel Đẳng Tỷ Trọng (Regenmedlab 632, 633, 637, 638, 639, 661, Biothérapie 812, 813, 814, PRF Kits)	Không chất chống đông	**1000g**	10 phút	20°C – 25°C (Nhiệt độ phòng)
Dòng PRF Cổ Điển (Classic PRF) (Regenmedlab Classic-PRF 454, Biothérapie Classic PRF 817)	Không chất chống đông	**400g**	10 phút	20°C – 25°C (Nhiệt độ phòng)

NGUYÊN TẮC VẬN HÀNH VÀ KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH

Để đảm bảo tính nhất quán của chế phẩm PRP/PRF, việc sử dụng ống thu nhận cần tuân thủ các thông số kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng được xác định cho từng sản phẩm.

Các yếu tố cần kiểm soát bao gồm:

- Thể tích máu thu nhận;
- Thời gian từ khi lấy máu đến khi bắt đầu ly tâm;
- Loại và cấu hình ống thu nhận;
- Tốc độ/lực ly tâm và thời gian ly tâm;
- Loại rotor và bán kính rotor của máy ly tâm;
- Điều kiện thao tác sau ly tâm;
- Thời gian sử dụng chế phẩm sau khi thu nhận.

Thông số RCF (×g) nên được ưu tiên sử dụng thay cho RPM khi mô tả điều kiện ly tâm, do RCF phụ thuộc vào bán kính rotor và có tính tương đồng cao hơn giữa các thiết bị ly tâm khác nhau.

5.2. BẢNG MÃ SẢN PHẨM

Bảng tổng hợp chi tiết mã sản phẩm (SKU), thương hiệu, quy cách đóng gói và phân loại phụ kiện:

A. DANH MỤC DÒNG ỐNG THU NHẬN HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

STT	Tên chủng loại	Mã Đơn Ống	Mã Hộp 25	Mã Hộp 50	Mã Hộp 100	Thương Hiệu	Phân Loại Chế Phẩm
1	**Biothérapie Pure-PRP**	808	808-25	808-50	808-100	BIOTHÉRAPIE	Ống PRP (Sodium Citrate)
2	**Biothérapie LP-PRP**	809	809-25	809-50	809-100	BIOTHÉRAPIE	Ống PRP (Sodium Citrate)
3	**Biothérapie LR-PRP**	810	810-25	810-50	810-100	BIOTHÉRAPIE	Ống PRP (Sodium Citrate)
4	**Biothérapie Beauté PRP**	840	840-25	840-50	840-100	BIOTHÉRAPIE	Ống PRP (ACD-A)
5	**Regenmedlab LP-5PRP**	626	626-25	626-50	626-100	Regenmedlab	Ống PRP (ACD-A)
6	**Regenmedlab LR-5PRP**	627	627-25	627-50	627-100	Regenmedlab	Ống PRP (ACD-A)
7	**Regenmedlab Pure-PRP**	634	634-25	634-50	634-100	Regenmedlab	Ống PRP (ACD-A)
8	**Regenmedlab LP-PRP**	635	635-25	635-50	635-100	Regenmedlab	Ống PRP (ACD-A)
9	**Regenmedlab LR-PRP**	636	636-25	636-50	636-100	Regenmedlab	Ống PRP (ACD-A)

STT	Tên chủng loại	Mã Đơn Ống	Mã Hộp 25	Mã Hộp 50	Mã Hộp 100	Thương Hiệu	Phân Loại Chế Phẩm
10	**Regenmedlab LP-5PRF**	632	632-25	632-50	632-100	Regenmedlab	Ống PRF (iPRF)
11	**Regenmedlab LR-5PRF**	633	633-25	633-50	633-100	Regenmedlab	Ống PRF (iPRF)
12	**Regenmedlab Pure-PRF**	637	637-25	637-50	637-100	Regenmedlab	Ống PRF (iPRF)
13	**Regenmedlab LP-PRF**	638	638-25	638-50	638-100	Regenmedlab	Ống PRF (iPRF)
14	**Regenmedlab LR-PRF**	639	639-25	639-50	639-100	Regenmedlab	Ống PRF (iPRF)
15	**Regenmedlab Classic-PRF**	454	454-25	454-50	454-100	Regenmedlab	Ống PRF cổ điển
16	**Regenmedlab Pure-iPRF Tube**	661	661-25	661-50	661-100	Regenmedlab	Ống iPRF
17	**Biothérapie Pure-PRF**	812	812-25	812-50	812-100	BIOTHÉRAPIE	Ống PRF (iPRF)
18	**Biothérapie LP-PRF**	813	813-25	813-50	813-100	BIOTHÉRAPIE	Ống PRF (iPRF)
19	**Biothérapie LR-PRF**	814	814-25	814-50	814-100	BIOTHÉRAPIE	Ống PRF (iPRF)
20	**Biothérapie Classic PRF**	817	817-25	817-50	817-100	BIOTHÉRAPIE	Ống PRF cổ điển

5.2. BẢNG MÃ SẢN PHẨM

B. DANH MỤC BỘ THU NHẬN TOÀN DIỆN (KITS PORTFOLIO)

STT	Tên chủng loại	Mã SP	Số Ống / Thể tích máu	Loại Chế Phẩm	Thương Hiệu	Thành Phần Phụ Đi Kèm
1	**Regenmedlab 5PRP Kit**	146	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL, ống nối 3 chạc
2	**Regenmedlab 5PRP Kit V1**	376	1 ống (10–11 mL)	Pure-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
3	**Regenmedlab LP-5PRP V1**	622	1 ống (10–11 mL)	LP-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
4	**Regenmedlab LP-5PRP Kit V2**	623	2 ống (20–22 mL)	LP-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
5	**Regenmedlab LR-5PRP Kit V1**	624	1 ống (10–11 mL)	LR-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
6	**Regenmedlab LR-5PRP Kit V2**	625	2 ống (20–22 mL)	LR-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
7	**Regenmedlab Pure-PRP Kit**	457	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL, ống nối 3 chạc
8	**Regenmedlab LP-PRP Kit**	458	2 ống (20–22 mL)	LP-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
9	**Regenmedlab LR-PRP Kit**	459	2 ống (20–22 mL)	LR-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL

STT	Tên chủng loại	Mã SP	Số Ống / Thể tích máu	Loại Chế Phẩm	Thương Hiệu	Thành Phần Phụ Đi Kèm
1	**Biothérapie Pure-PRP Kit**	800	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL, ống nối 3 chạc
2	**Biothérapie LP-PRP Kit**	801	2 ống (20–22 mL)	LP-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
3	**Biothérapie LR-PRP Kit**	802	2 ống (20–22 mL)	LR-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
4	**Biothérapie Beauté PRP Kit**	820	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
5	**Regenmedlab 5PRF Kit V2**	389	2 ống (26–28 mL)	Pure-PRF	Regenmedlab	Kim thu máu, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
6	**Regenmedlab LP-5PRF Kit V2**	629	2 ống (26–28 mL)	LP-PRF	Regenmedlab	Kim thu máu, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
7	**Regenmedlab LR-5PRF Kit V2**	631	2 ống (26–28 mL)	LR-PRF	Regenmedlab	Kim thu máu, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
8	**Biothérapie Pure-PRP Kit**	800	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL, ống nối 3 chạc
9	**Biothérapie LP-PRP Kit**	801	2 ống (20–22 mL)	LP-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL

C. BỘ DỤNG CỤ PHỤ TRỢ

PRP Prepare Kit (Mã SP: 640): 1 kim lấy máu cánh bướm 21–22G, 1 ống giữ kim, 1 kim dài,2 bơm tiêm đầu xoắn 10 mL.

Canxi Hữu Cơ Hoạt Hóa PRP (Mã SP: 642): Quy cách 1 mL trong ống nghiệm vô trùng, sử dụng hoạt hóa dung dịch PRP.

5.2. BẢNG MÃ SẢN PHẨM

B. DANH MỤC BỘ THU NHẬN TOÀN DIỆN (KITS PORTFOLIO)

STT	Tên chủng loại	Mã SP	Số Ống / Thể tích máu	Loại Chế Phẩm	Thương Hiệu	Thành Phần Phụ Đi Kèm
1	**Regenmedlab 5PRP Kit**	146	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL, ống nối 3 chạc
2	**Regenmedlab 5PRP Kit V1**	376	1 ống (10–11 mL)	Pure-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
3	**Regenmedlab LP-5PRP V1**	622	1 ống (10–11 mL)	LP-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
4	**Regenmedlab LP-5PRP Kit V2**	623	2 ống (20–22 mL)	LP-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
5	**Regenmedlab LR-5PRP Kit V1**	624	1 ống (10–11 mL)	LR-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
6	**Regenmedlab LR-5PRP Kit V2**	625	2 ống (20–22 mL)	LR-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
7	**Regenmedlab Pure-PRP Kit**	457	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL, ống nối 3 chạc
8	**Regenmedlab LP-PRP Kit**	458	2 ống (20–22 mL)	LP-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
9	**Regenmedlab LR-PRP Kit**	459	2 ống (20–22 mL)	LR-PRP	Regenmedlab	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL

STT	Tên chủng loại	Mã SP	Số Ống / Thể tích máu	Loại Chế Phẩm	Thương Hiệu	Thành Phần Phụ Đi Kèm
1	**Biothérapie Pure-PRP Kit**	800	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL, ống nối 3 chạc
2	**Biothérapie LP-PRP Kit**	801	2 ống (20–22 mL)	LP-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
3	**Biothérapie LR-PRP Kit**	802	2 ống (20–22 mL)	LR-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
4	**Biothérapie Beauté PRP Kit**	820	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
5	**Regenmedlab 5PRF Kit V2**	389	2 ống (26–28 mL)	Pure-PRF	Regenmedlab	Kim thu máu, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
6	**Regenmedlab LP-5PRF Kit V2**	629	2 ống (26–28 mL)	LP-PRF	Regenmedlab	Kim thu máu, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
7	**Regenmedlab LR-5PRF Kit V2**	631	2 ống (26–28 mL)	LR-PRF	Regenmedlab	Kim thu máu, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL
8	**Biothérapie Pure-PRP Kit**	800	2 ống (20–22 mL)	Pure-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL, ống nối 3 chạc
9	**Biothérapie LP-PRP Kit**	801	2 ống (20–22 mL)	LP-PRP	Biothérapie	Kim lấy máu chân không, ống giữ kim, 2 gạc tẩm cồn, băng cá nhân, 2 bơm tiêm đầu xoắn 10mL

C. BỘ DỤNG CỤ PHỤ TRỢ

PRP Prepare Kit (Mã SP: 640): 1 kim lấy máu cánh bướm 21–22G, 1 ống giữ kim, 1 kim dài,2 bơm tiêm đầu xoắn 10 mL.

Canxi Hữu Cơ Hoạt Hóa PRP (Mã SP: 642): Quy cách 1 mL trong ống nghiệm vô trùng, sử dụng hoạt hóa dung dịch PRP.

06

ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

ĐÀO TẠO & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

GIỚI THIỆU

Viện Tế bào gốc tổ chức các lớp đào tạo kỹ thuật chế tạo Huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) và Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) định kỳ hằng tháng, dành cho các bác sĩ và nhân viên y tế mong muốn nâng cao năng lực thực hành và ứng dụng các chế phẩm tự thân trong lâm sàng.
Chương trình kết hợp giữa đào tạo lý thuyết và thực hành trực tiếp, giúp học viên hiểu rõ nguyên lý, quy trình chế tạo, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chế phẩm và kỹ thuật ứng dụng PRP/PRF. Học viên hoàn thành chương trình sẽ được cấp Chứng nhận tham dự đào tạo bởi Viện Tế bào gốc.



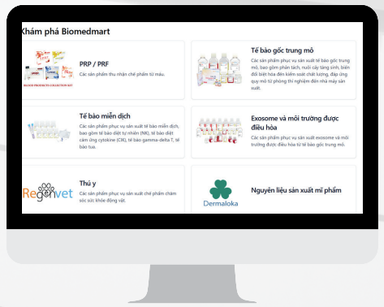




THÔNG TIN LIÊN HỆ, ĐẶT HÀNG & CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH THIẾT BỊ

QUY TRÌNH ĐẶT HÀNG & HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Tư vấn giải pháp & báo giá: Phòng Kinh doanh, Viện Tế bào gốc - Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM
Hotline: 028 3636 1206
Kênh đặt hàng chính thức trực tuyến: biomedmart.com.vn; biomedshop.com.vn



ĐƠN VỊ NGHIÊN CỨU & SẢN XUẤT

Email:contact@sci.edu.vn | kinhdoanh@sci.edu.vn| sales@sci.edu.vn
Website đặt hàng: biomedmart.com.vn; biomedshop.com.vn
Bảo hành: Cam kết 100% đổi trả đối với các sản phẩm lỗi bao bì vô trùng hoặc lỗi do vận chuyển.

THÔNG SỐ KĨ THUẬT TỪNG SẢN PHẨM

1 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
LP-5PRF	632
Hộp 25 ống LP-5PRF	632-25
Hộp 50 ống LP-5PRF	632-50
Hộp 100 ống LP-5PRF	632-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần: tốc độ 1000g trong 10 phút

2 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
LR-5PRF	633
Hộp 25 ống LR-5PRF	633-25
Hộp 50 ống LR-5PRF	633-50
Hộp 100 ống LR-5PRF	633-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LR PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần: tốc độ 1000g trong 10 phút

3 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
Regenmedlab Pure-PRF	637
Hộp 25 ống Regenmedlab Pure-PRF	637-25
Hộp 50 ống Regenmedlab Pure-PRF	637-50
Hộp 100 ống Regenmedlab Pure-PRF	637-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**Pure PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần: tốc độ 1000g trong 10 phút

4 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
Regenmedlab LP-PRF	638
Hộp 25 ống Regenmedlab LP-PRF	638-25
Hộp 50 ống Regenmedlab LP-PRF	638-50
Hộp 100 ống Regenmedlab LP-PRF	638-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LP PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần: tốc độ 1000g trong 10 phút

5 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
Regenmedlab LR-PRF	639
Hộp 25 ống Regenmedlab LR-PRF	639-25
Hộp 50 ống Regenmedlab LR-PRF	639-50
Hộp 100 ống Regenmedlab LR-PRF	639-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LR PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần: tốc độ 1000g trong 10 phút

6 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
Regenmedlab Classic-PRF	454
Hộp 25 ống Regenmedlab Classic-PRF	454-25
Hộp 50 ống Regenmedlab Classic-PRF	454-50
Hộp 100 ống Regenmedlab Classic-PRF	454-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	13 mL – 14 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	**Li tâm lắng thông thường**
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**PRF cổ điển**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	-
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	**-**
7	Độ tinh sạch hồng cầu	-
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 400g trong 10 phút

7 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
Regenmedlab Pure-iPRF Tube	661
Túi 25 ống Regenmedlab Pure-iPRF Tube	661-25
Túi 50 ống Regenmedlab Pure-iPRF Tube	661-50
Túi 100 ống Regenmedlab Pure-iPRF Tube	661-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LR PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần: tốc độ 1000g trong 10 phút

8 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Chủng loại	Mã SP
Biothérapie Pure-PRF	812
Hộp 25 ống Biothérapie Pure-PRF	812-25
Hộp 50 ống Biothérapie Pure-PRF	812-50
Hộp 100 ống Biothérapie Pure-PRF	812-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**Pure PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần: tốc độ 1000g trong 10 phút

9 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Chủng loại	Mã SP
Biothérapie LP-PRF	813
Hộp 25 ống Biothérapie LP-PRF	813-25
Hộp 50 ống Biothérapie LP-PRF	813-50
Hộp 100 ống Biothérapie LP-PRF	813-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LP PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút

10 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Chủng loại	Mã SP
Biothérapie LR-PRF	814
Hộp 25 ống Biothérapie LR-PRF	814-25
Hộp 50 ống Biothérapie LR-PRF	814-50
Hộp 100 ống Biothérapie LR-PRF	814-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	11 mL – 12 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LR PRF (iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút

11 ỐNG THU NHẬN FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Chủng loại	Mã SP
Biothérapie Classic PRF	817
Hộp 25 ống Biothérapie Classic PRF	817-25
Hộp 50 ống Biothérapie Classic PRF	817-50
Hộp 100 ống Biothérapie Classic PRF	817-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	13 mL – 14 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	**Li tâm lắng thông thường**
3	Chất chống đông	-
4	Loại PRP/PRF	**PRF cổ điển**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	-
6	Độ tinh sạch hồng cầu	-
7	Trị số pH của chế phẩm	7,0 – 7,5
8	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
9	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
10	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút

12 ỐNG THU NHẬN *HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU*

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Chủng loại	Mã SP
Biothérapie Pure-PRP	808
Hộp 25 ống Biothérapie Pure-PRP	808-25
Hộp 50 ống Biothérapie Pure-PRP	808-50
Hộp 100 ống Biothérapie Pure-PRP	808-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium Citrate
4	Loại PRP/PRF	**Pure PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút

13 ỐNG THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Chủng loại	Mã SP
Biothérapie LP-PRP	809
Hộp 25 ống Biothérapie LP-PRP	809-25
Hộp 50 ống Biothérapie LP-PRP	809-50
Hộp 100 ống Biothérapie LP-PRP	809-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium Citrate
4	Loại PRP/PRF	**LP PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút

14 ỐNG THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Chủng loại	Mã SP
Biothérapie LR-PRP	810
Hộp 25 ống Biothérapie LR-PRP	810-25
Hộp 50 ống Biothérapie LR-PRP	810-50
Hộp 100 ống Biothérapie LR-PRP	810-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium Citrate
4	Loại PRP/PRF	**LR PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	**> 80%**
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút

15 ỐNG THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

Chủng loại	Mã SP
Biothérapie Beauté PRP	840
Hộp 25 ống Biothérapie Beauté PRP	840-25
Hộp 50 ống Biothérapie Beauté PRP	840-50
Hộp 100 ống Biothérapie Beauté PRP	840-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	ACD-A
4	Loại PRP/PRF	**Pure PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút

16 ỐNG THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
LP-5PRP	626
Túi 25 ống LP-5PRP	626-25
Túi 50 ống LP-5PRP	626-50
Túi 100 ống LP-5PRP	626-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	ACD-A
4	Loại PRP/PRF	**Pure PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút

17

ỐNG THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
LR-5PRP	627
Túi 25 ống LR-5PRP	627-25
Túi 50 ống LR-5PRP	627-50
Túi 100 ống LR-5PRP	627-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	ACD-A
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút

18

ỐNG THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
Regenmedlab Pure-PRP	634
Túi 25 ống Regenmedlab Pure-PRP	634-25
Túi 50 ống Regenmedlab Pure-PRP	634-50
Túi 100 ống Regenmedlab Pure-PRP	634-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	ACD-A
4	Loại PRP/PRF	**Pure PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút

19 ỐNG THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
Regenmedlab LP-PRP	635
Túi 25 ống Regenmedlab LP-PRP	635-25
Túi 50 ống Regenmedlab LP-PRP	635-50
Túi 100 ống Regenmedlab LP-PRP	635-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	ACD-A
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút

20 ỐNG THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

Chủng loại	Mã SP
Regenmedlab LR-PRP	636
Túi 25 ống Regenmedlab LR-PRP	636-25
Túi 50 ống Regenmedlab LR-PRP	636-50
Túi 100 ống Regenmedlab LR-PRP	636-100



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	10 mL – 11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	ACD-A
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút

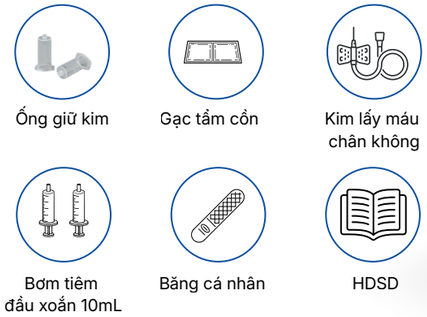
21

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB 5PRF KIT V1
MÃ SP: 390

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	1 ống thu máu, 12-13 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**Pure PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

22

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB 5PRF KIT V2
MÃ SP: 389

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 24-26 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**Pure PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

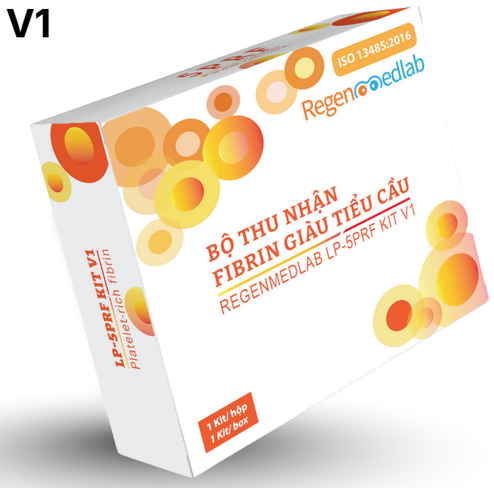
23

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LP-5PRF KIT V1

MÃ SP: 628



THÀNH PHẦN BỘ KIT



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	1 ống thu máu, 12-13 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

24

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LP-5PRF KIT V2

MÃ SP: 629



THÀNH PHẦN BỘ KIT



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 24-26 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

25

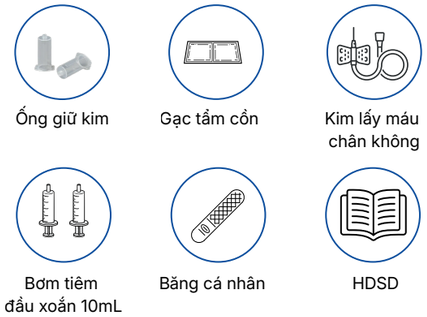
BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LR-5PRF KIT V1
MÃ SP: 630



THÀNH PHẦN BỘ KIT



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	1 ống thu máu, 13-14 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

26

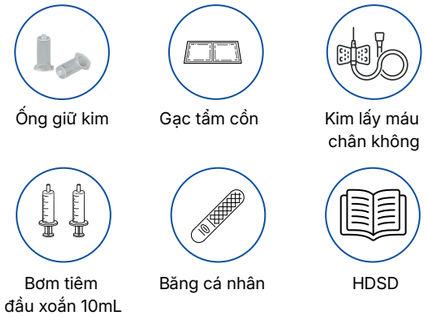
BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LR-5PRF KIT V2
MÃ SP: 631



THÀNH PHẦN BỘ KIT



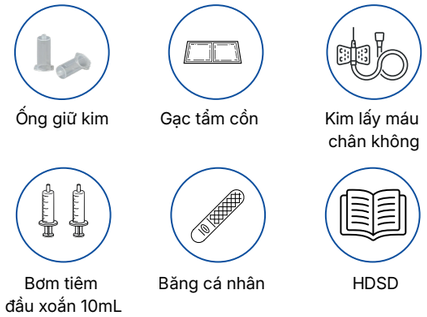
STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 26-28 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

27

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

REGENMEDLAB PURE-PRF KIT
MÃ SP: 460

THÀNH PHẦN BỘ KIT





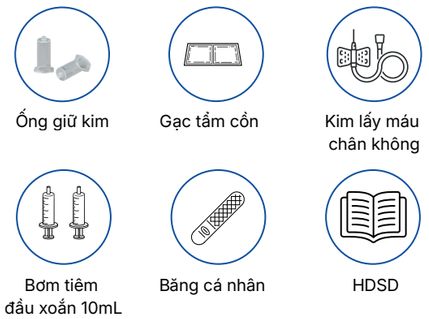
STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 26-28 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**Pure-PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

28

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

REGENMEDLAB PURE-IPRF KIT
MÃ SP: 660

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 26-28 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**Pure-PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Tự hoạt hoá (PRF) sau 15-20 phút**

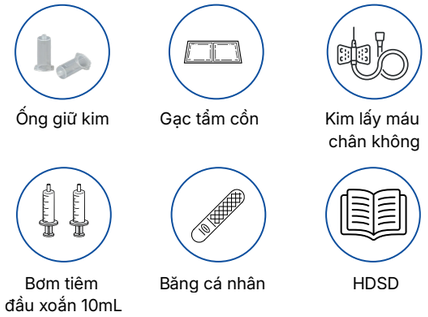
29

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LP-PRF KIT
MÃ SP: 461

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 26-28 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

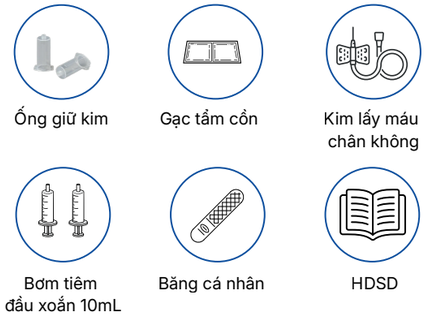
30

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LR-PRF KIT
MÃ SP: 462

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 26-28 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRF (dạng iPRF)**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	Tự hoạt hoá (PRF), sử dụng ống PRF Activator

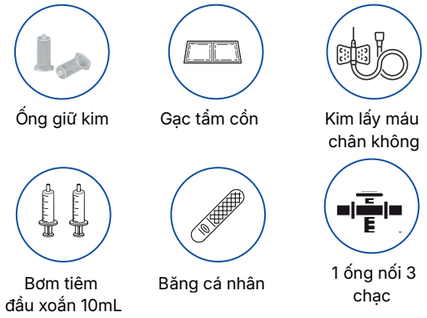
31

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB 5PRP KIT
MÃ SP: 146

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**Pure-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Hoạt hoá cơ học tạo dịch li giải tiểu cầu bằng màng lọc 0,45 um**

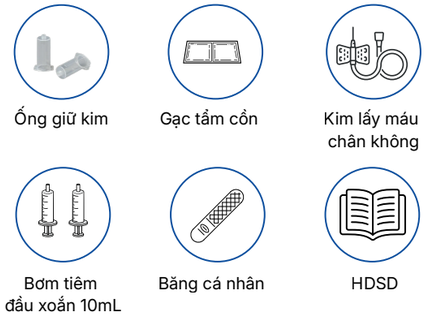
32

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB 5PRP KIT V1
MÃ SP: 376

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	1 ống thu máu, 10-11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**Pure-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Hoạt hoá cơ học tạo dịch li giải tiểu cầu bằng màng lọc 0,45 um**

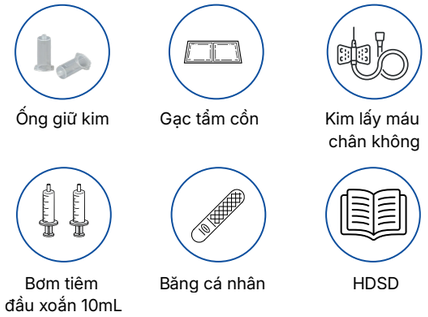
33

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LP-5PRP V1
MÃ SP: 622

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	1 ống thu máu, 10-11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Không hoạt hoá (hoạt hoá nội sinh)**

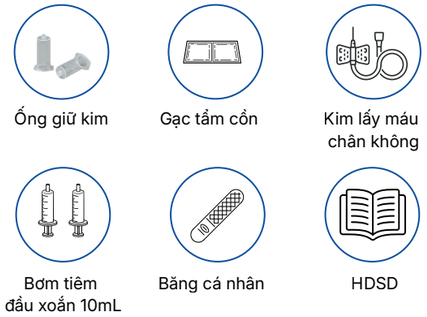
34

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LP-5PRP KIT V2
MÃ SP: 623

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Không hoạt hoá (hoạt hoá nội sinh)**

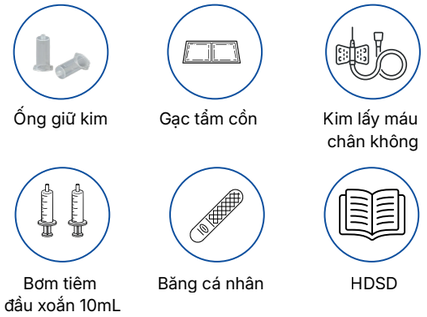
35

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LR-5PRP KIT V1
MÃ SP: 624

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	1 ống thu máu, 10-11 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Không hoạt hoá (hoạt hoá nội sinh)**

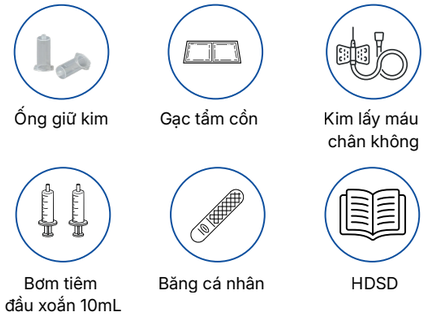
36

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LR-5PRP KIT V2
MÃ SP: 625

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Không hoạt hoá (hoạt hoá nội sinh)**

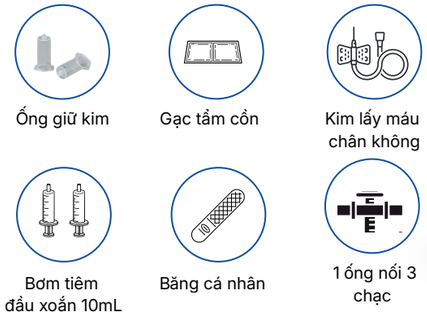
37

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB PURE-PRP KIT
MÃ SP: 457

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	**ACD-A**
4	Loại PRP/PRF	**Pure-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút
12	Hoạt hóa	**Hoạt hoá cơ học, lỗ lọc 5 um tạo dịch li giải tiểu cầu, lọc vô trùng bằng màng lọc 0,22 um**

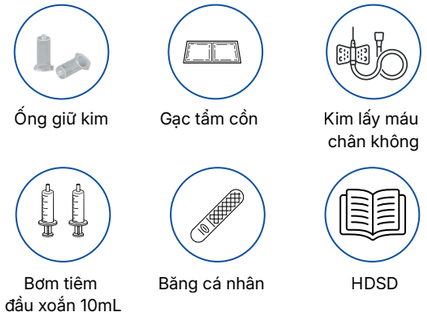
38

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LP-PRP KIT
MÃ SP: 458

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	**ACD-A**
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút
12	Hoạt hóa	**Không hoạt hoá**

39

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

Regenmedlab

REGENMEDLAB LR-PRP KIT
MÃ SP: 459

THÀNH PHẦN BỘ KIT

- Ống giữ kim
- Gạc tẩm cồn
- Kim lấy máu chân không
- Bơm tiêm đầu xoắn 10mL
- Băng cá nhân
- HDSD



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	**ACD-A**
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 8 phút
12	Hoạt hóa	**Không hoạt hoá**

40

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

BIOTHERAPIE PURE-PRF KIT
MÃ SP: 804

THÀNH PHẦN BỘ KIT

- Ống giữ kim
- Gạc tẩm cồn
- Kim lấy máu chân không
- Bơm tiêm đầu xoắn 10mL
- Băng cá nhân
- HDSD



STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**Pure-PRF**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Hoạt hoá tự nhiên**

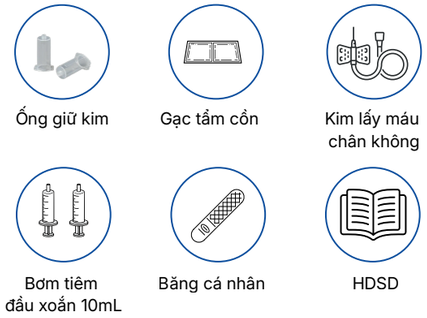
41

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

BIOTHERAPIE LP-PRF KIT
MÃ SP: 805

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRF**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Hoạt hoá tự nhiên**

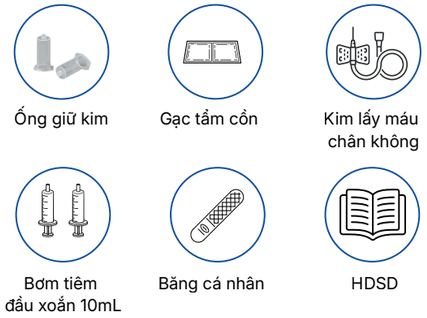
42

BỘ THU NHẬN
FIBRIN GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

BIOTHERAPIE LR-PRF KIT
MÃ SP: 806

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Không
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRF**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Hoạt hoá tự nhiên**

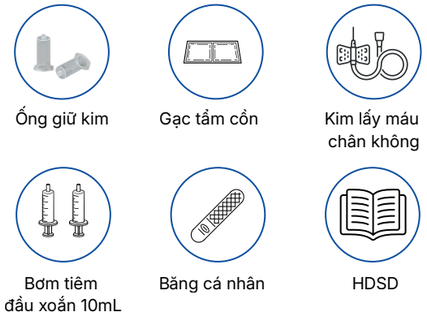
43

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

BIOTHERAPIE PURE-PRP KIT
MÃ SP: 800

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**Pure-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Hoạt hoá cơ học, lỗ lọc 5 um tạo dịch li giải tiểu cầu, lọc vô trùng bằng màng lọc 0,22 um**

44

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

BIOTHERAPIE LP-PRP KIT
MÃ SP: 801

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**LP-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Không hoạt hoá**

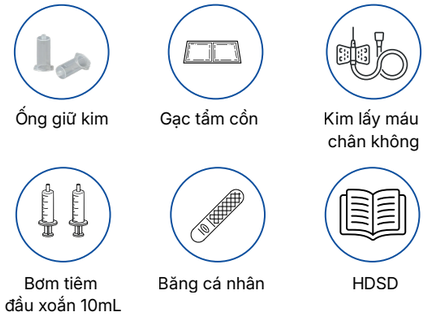
45

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

BIOTHERAPIE LR-PRP KIT
MÃ SP: 802

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	Sodium citrate
4	Loại PRP/PRF	**LR-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 80%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,5 - 7,9
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Không hoạt hoá**

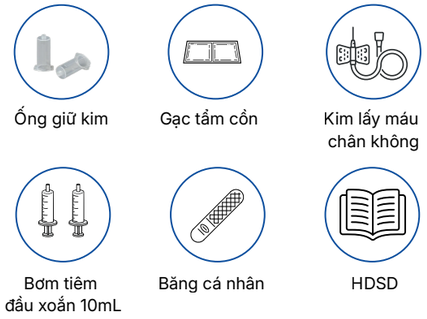
46

BỘ THU NHẬN
HUYẾT TƯƠNG GIÀU TIỂU CẦU

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE RÉGÉNÉRATIVE

BIOTHERAPIE BEAUTÉ PRP KIT
MÃ SP: 820

THÀNH PHẦN BỘ KIT





STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị / Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	Thể tích máu	2 ống thu máu, 20-22 mL
2	Công nghệ phân tách tiểu cầu	Li tâm đẳng tỉ trọng bằng gel
3	Chất chống đông	ACD-A
4	Loại PRP/PRF	**Pure-PRP**
5	Hệ số cô đặc tiểu cầu	Tăng 3x - 5x nồng độ nền
6	Hiệu suất thu hồi tiểu cầu	> 70%
7	Độ tinh sạch hồng cầu	Loại bỏ > 99% hồng cầu
8	Trị số pH của chế phẩm	7,0 - 7,5
9	Độ vô trùng	Tiệt trùng Gamma (≤ 25 kGy)
10	Chứng nhận & Pháp lý	Thiết bị Y tế Loại B
11	Thông số ly tâm	Li tâm 1 lần, tốc độ 1000g trong 10 phút
12	Hoạt hóa	**Hoạt hoá cơ học, lỗ lọc 5 um tạo dịch li giải tiểu cầu, lọc vô trùng bằng màng lọc 0,22 um**





VIỆN TẾ BÀO GỐC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN ĐHQG TP.HCM

BIOTHÉRAPIE
INSTITUT DE MÉDECINE REGÉNÉRATIVE

Regenmedlab

Website:
biomedmart.com.vn
biomedshop.com

Email: contact@sci.edu.vn
sales@sci.edu.vn
kinhdoanh@sci.edu.vn

Quét mã QR
Đặt hàng ngay!

Liên hệ đặt hàng